

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Đào Thị Thùy Trang
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

TÌM HIỂU ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH
SINH THÁI Ở NA HANG, TUYÊN QUANG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên: Đào Thị Thùy Trang

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Thùy Trang

Mã SV:1412601055

Lớp: VH1802

Nghành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: Tìm hiểu điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở

Na Hang, Tuyên Quang

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Hướng dẫn cách tìm kiếm, thu thập và xử lý tài liệu
- Hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết
- Hướng dẫn cách làm nghiên cứu khoa học
- Đọc và chỉnh sửa, góp ý nội dung khóa luận

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng 11 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng 11 năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày 2 tháng 11 năm 2018

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Phương Thảo

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến quý thầy cô giáo của Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là các thầy cô trong Khoa Văn Hóa Du Lịch đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt bốn năm học vừa qua đã tạo mọi điều kiện để em có thể hoàn thành khóa luận. Các thầy cô không chỉ trang bị cho em những kiến thức chuyên môn nền tảng cần thiết mà còn truyền đạt cả những kinh nghiệm, vốn sống thực tế rất hữu ích và vô cùng quý báu. Tất cả sẽ trở thành hành trang, những kỷ niệm vô giá của em trong cuộc sống sau này.

Đặc biệt, em muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến giảng viên, ThS.Nguyễn Thị Phương Thảo, người đã trực tiếp giúp đỡ, động viên và luôn theo sát chỉ dẫn cho em trong thời gian em làm đề tài, cho em những lời khuyên bổ ích giúp em hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp.

Trong thời gian làm đề tài: "Tìm hiểu điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang", do bản thân còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm, xong thực tế còn nhiều hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, em mong được sự giúp đỡ và chỉ bảo thêm của thầy cô để bài khóa luận được hoàn chỉnh hơn.

Cuối cùng, em xin kính chúc quý thầy cô luôn dồi dào sức khỏe và gặt hái được nhiều thành công hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 6 tháng 11 năm 2018

Sinh viên

Trang

Đào Thị Thùy Trang

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI	5
1.1 Khái quát chung về du lịch sinh thái	5
1.1.1. Khái niệm :	5
1.1.2. Đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái	9
1.1.3. Nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái	11
1.1.4. Điều kiện phát triển du lịch sinh thái	13
1.1.4.1 Tài nguyên du lịch sinh thái.....	13
1.1.4.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng.....	14
1.1.4.3 Nguồn nhân lực du lịch	15
1.1.4.4 Các chính sách phát triển du lịch sinh thái	16
1.1.5 Các loại hình du lịch sinh thái	17
1.1.6 Mối quan hệ du lịch sinh thái và môi trường	19
1.2. Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái của một số quốc gia trong khu vực	20
Tiểu kết chương 1	22
CHƯƠNG 2 : ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở NA HANG, TUYÊN QUANG	23
2.1 Khái quát chung về Na Hang, Tuyên Quang	23
2.1.1. Vị trí địa lý, diện tích.....	23
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	28
2.2 Điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang.....	32
2.2.1 Tài nguyên du lịch sinh thái	32
2.2.2 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật	42
2.2.3 Nguồn nhân lực du lịch sinh thái	44
2.2.4 Chính sách phát triển du lịch	46
2.3 Thực trạng phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang.....	48
2.3.1 Số lượng khách du lịch	48
2.3.2 Doanh thu từ hoạt động du lịch	50
2.3.3 Các hoạt động du lịch sinh thái.....	50
2.3.4 Hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch	55
2.3.5 Thực trạng lao động và sử dụng lao động cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch sinh thái	58
2.3.6 Thực trạng về công tác xúc tiến quảng bá ở huyện Na Hang.....	59
2.4 Đánh giá những thuận lợi khó khăn khi phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang	60
2.4.1 Thuận lợi - tích cực	60
2.4.2 Khó khăn- hạn chế.....	61

Tiểu kết chương 2.....	62
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI NA HANG, TUYÊN QUANG.....	63
3.1 Định hướng phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang	63
3.1.1. Mục tiêu định hướng	63
3.1.2. Cơ sở định hướng	63
3.2 Giải pháp phát triển du lịch sinh thái Na Hang.....	65
3.2.1 Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái.....	65
3.2.2 Đào tạo phát triển nguồn nhân lực và thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sinh thái.....	66
3.2.3 Xây dựng và nâng cao cơ sở hạ tầng- cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch.....	68
3.2.4 Tăng cường giáo dục,nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho khách du lịch, cộng đồng địa phương và những người làm du lịch	69
3.2.5 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá.....	70
3.2.6. Mở rộng thị trường, liên kết với các tỉnh lân cận và với công ty lữ hành	71
3.2.7 Giải pháp về quy hoạch thu hút đầu tư	72
3.2.8. Tổ chức quản lý các hoạt động	73
Tiểu kết chương 3.....	75
KẾT LUẬN	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay cùng với sự phát triển kinh tế trên thế giới, du lịch đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong đời sống văn hóa - xã hội của con người. Du lịch không những là một ngành kinh tế góp phần nâng cao đời sống vật chất mà còn giúp con người có điều kiện giao lưu văn hóa giữa các quốc gia các vùng miền.

Trên thế giới, du lịch là ngành dịch vụ - ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia, nó được mệnh danh là ngành công nghiệp không khói. Ở nước ta mặc dù du lịch còn khá non trẻ nhưng cũng đang phát triển với tốc độ nhanh và được xác định là ngành kinh tế quan trọng. Sự phát triển của du lịch cũng dễ dàng tạo điều kiện cho các ngành kinh tế khác cùng phát triển. Với những thuận lợi, những mặt tích cực mà du lịch đem lại thì thực sự có khả năng làm thay đổi bộ mặt kinh tế của nước ta. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ đó, du lịch sinh thái đã và đang phát triển nhanh chóng ở nhiều quốc gia trên thế giới, thu hút sự quan tâm rộng rãi của các tầng lớp xã hội, đặc biệt đối với những người có nhận thức cao về môi trường. Mô hình du lịch sinh thái giúp con người có điều kiện tiếp cận với thiên nhiên hoang sơ, môi trường trong lành, tìm hiểu nền văn hóa bản địa đặc sắc đa dạng, thỏa mãn nhu cầu khám phá của con người.

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch có trách nhiệm hỗ trợ cho mục tiêu bảo tồn môi trường tự nhiên, phát triển cộng đồng và được coi là loại hình du lịch hấp dẫn thu hút khách du lịch. Du lịch sinh thái còn góp phần giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường góp phần phát triển du lịch bền vững. Chính vì vậy mà du lịch sinh thái đã trở thành mục tiêu phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới về du lịch bởi tính ưu việt của nó trong đó có Việt Nam.

Na Hang là huyện vùng cao của tỉnh Tuyên Quang, cách thị xã Tuyên Quang 108km về phía Bắc. Na Hang có gần 20 dân tộc anh em chung sống nên có nền văn hóa đa sắc tộc. Na Hang từ lâu được xem là vùng đất cổ tích giữa đại ngàn hoang sơ. Thiên nhiên đã ban tặng cho Na Hang nguồn tài nguyên quý với phong cảnh sơn thủy hữu tình nơi mà mỗi con sông, con suối, mỗi cánh rừng, ngọn núi đều được gắn liền với những truyền thuyết, câu chuyện đầy hấp dẫn, là điều kiện rất thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái.

Na Hang có nhiều điều kiện về tài nguyên và văn hóa thuận lợi để phát triển loại hình du lịch này. Tuy nhiên việc phát triển du lịch sinh thái còn gặp nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao. Vì vậy, việc chọn đề tài “Tìm hiểu điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang” nhằm nghiên cứu và đánh giá hoạt động du lịch tại Na Hang, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch, nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường tự nhiên của địa phương, góp phần tăng hiệu quả kinh tế xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân địa phương.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích của việc nghiên cứu :

Nhằm nghiên cứu, đánh giá điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang bước đầu tìm hiểu thực trạng để từ đó đưa ra những định hướng khai thác hợp lý hiện quản lý, bảo vệ môi trường tự nhiên tài nguyên thiên nhiên phát triển du lịch bền vững.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu:

Tổng quan cơ sở lý luận về du lịch sinh thái.

Nghiên cứu, đánh giá điều kiện du lịch sinh thái Na Hang, Tuyên Quang bước đầu những chính sách đánh giá thực trạng.

Đánh giá hiện trạng du lịch tại Na Hang.

Định hướng và đưa ra những giải pháp khai thác hợp lý các điều kiện phục vụ phát triển du lịch sinh thái tại Na Hang, Tuyên Quang.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu:

Khóa luận nghiên cứu về : Điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu tại Na Hang nơi giàu tiềm năng để trở thành vùng du lịch sinh thái cực kỳ hấp dẫn.

Thời gian: Đề tài được nghiên cứu trong vòng 3 tháng từ 8- 10

4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu

Đề tài đưa ra một cái nhìn đúng đắn về du lịch sinh thái trên cơ sở tổng hợp các định nghĩa, nguyên tắc của nhiều tác giả và tổ chức du lịch trên thế giới. Đề tài đã xác định được những tiêu chí nhằm đánh giá một cách toàn diện tiềm năng du lịch sinh thái ở Na Hang . Trên cơ sở đó có thể đánh giá, so sánh, phân loại tiềm năng phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang với các địa điểm khác.

Kết quả của việc nghiên cứu đề tài này sẽ là một nguồn tài liệu tin cậy cho việc quy hoạch phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang , tỉnh Tuyên Quang. Du lịch sinh thái phát triển sẽ hỗ trợ đắc lực cho công tác bảo tồn, phát triển bền vững, nâng cao đời sống kinh tế cho đồng bào dân tộc.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành đề tài này, tác giả đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu sau :

5.1 Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu là một phương pháp hết sức quan trọng cần thiết cho bất kỳ một đề tài nghiên cứu nào. Để có được những số liệu và thông tin chính xác về vấn đề nghiên cứu của đề tài đã được thu thập các thông tin khác nhau so sánh và chọn lọc những thông tin có giá trị nhất để sử dụng

trong bài viết Từ đó sẽ giúp cho bài báo cáo có tính thuyết phục, có độ tin cậy cao.

5.2 Phương pháp thống kê

Phương pháp này nhằm thống kê các đối tượng được quy hoạch phân tích để phát hiện ra các yếu tố và sự ảnh hưởng các yếu tố trong hoạt động du lịch, đồng thời có thể lấy được những tác động qua lại giữa chúng.

5.3 Phương pháp so sánh tổng hợp

Phương pháp này cho ta thấy được tính tương quan giữa các yếu tố và từ đó thấy được hiện trạng và sự ảnh hưởng của các yếu tố tới hoạt động du lịch tại nơi đang nghiên cứu. Việc so sánh tổng hợp các thông tin và số liệu đã thu thập được giúp hệ thống một cách khoa học những thông tin số liệu cũng như các vấn đề thực tiễn. Đây là phương pháp giúp thực hiện được mục tiêu dự báo, đề xuất các dự án, các định hướng giải pháp phát triển, các chiến lược triển khai quy hoạch các dự án mang tính khoa học và đạt hiệu quả cao.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục khóa luận còn bao gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về du lịch sinh thái

Chương 2: Điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang

Chương 3: Định hướng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI

1.1 Khái quát chung về du lịch sinh thái

1.1.1. Khái niệm :

Du lịch sinh thái là một khái niệm rộng và khá mới mẻ, đã thu hút được sự quan tâm của nhiều lĩnh vực và được hiểu từ nhiều góc độ khác nhau. Du lịch sinh thái được bắt nguồn từ những cuộc dạo ngoài trời với mục đích thư giãn gần gũi với thiên nhiên. Nó bao gồm những người đến các khu tự nhiên hoang dã hay các khu bảo tồn, những người đi leo núi hay đi xuyên rừng, đi thuyền trên suối, những người cắm trại ngủ nghỉ trong những lều bạt hay trong nhà của người dân địa phương. Những người chụp ảnh tự nhiên hay quan sát chim thú,... có thể được coi là những khách du lịch sinh thái đầu tiên. Tùy vào cách diễn đạt của những khái niệm mà nhìn chung chúng đều có những điểm giống nhau trong việc làm nổi bật bản chất của loại hình du lịch này. Đối với một số người “du lịch sinh thái” chỉ đơn giản được hiểu là sự kết hợp ý nghĩa của hai từ ghép “du lịch” và “sinh thái” vốn quen thuộc. Nhưng khi đứng ở góc độ khác, tổng quát hơn thì một số người quan niệm du lịch sinh thái là du lịch tự nhiên. Trong thực tế khái niệm “Du lịch sinh thái” đã xuất hiện từ những năm 1800. Với khái niệm này mọi hoạt động du lịch có liên quan đến thiên nhiên như: tắm biển, nghỉ núi... đều được hiểu là du lịch sinh thái. Có thể nói cho đến nay khái niệm về du lịch sinh thái vẫn được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau với nhiều tên gọi khác nhau. Đến nay vẫn còn nhiều tranh luận nhằm đưa ra một định nghĩa chung về du lịch sinh thái.

Định nghĩa tương đối hoàn chỉnh về du lịch sinh thái lần đầu tiên được Hector Ceballos – Lascurain đưa ra năm 1987: *“Du lịch sinh thái là du lịch đến những khu vực tự nhiên còn ít bị thay đổi, với những mục đích đặc biệt: nghiên cứu, tham quan với ý thức trân trọng thế giới hoang dã và những giá trị văn hóa (cả quá khứ và hiện tại) được khám phá trong khu vực này”*.

Trong định nghĩa này, Hector Ceballos – Lascurain mới chỉ dừng lại ở sự chân trọng tự nhiên, những định sau này của các nhà nghiên cứu, các tổ chức du lịch đã thay đổi một cách sâu sắc hơn.

Năm 1991, đã xuất hiện khái niệm về Du lịch sinh thái. "*Du lịch sinh thái là loại hình du lịch diễn ra trong các vùng có hệ sinh thái tự nhiên còn bảo tồn khá tốt nhằm mục tiêu nghiên cứu, chiêm ngưỡng, thưởng thức phong cảnh, động thực vật cũng như các giá trị văn hoá hiện hữu*" (Boo, 1991).

Theo Wood năm 1991: "*Du lịch sinh thái là du lịch đến với những khu vực còn tương đối hoang sơ với mục đích tìm hiểu về lịch sử môi trường tự nhiên và văn hóa mà không làm thay đổi sự toàn vẹn của các hệ sinh thái. Đồng thời tạo những cơ hội về kinh tế ủng hộ việc bảo tồn tự nhiên và mang lại lợi ích về tài chính cho người dân địa phương*". Ở đây Wood đã đề cập đến việc giáo dục môi trường, bảo vệ tự nhiên và sự phát triển của cộng đồng trong du lịch sinh thái.

Theo Buckley, 1994 tổng quát: "*Chỉ có du lịch dựa vào thiên nhiên, được quản lý bền vững, hỗ trợ bảo tồn và có giáo dục môi trường mới được xem là du lịch sinh thái.*" Trong đó yếu tố quản lý bền vững được bao hàm cả nội dung phát triển cộng đồng.

Theo (Ceballos- Lascurain, 1996): "*Du lịch sinh thái là du lịch và tham quan có trách nhiệm với môi trường tại các điểm tự nhiên không bị tàn phá để thưởng thức thiên nhiên và các đặc điểm văn hóa đã tồn tại trong quá khứ hoặc đang hiện hành qua đó khuyến khích hoạt động bảo vệ, hạn chế các hoạt động tiêu cực do các khách quan gây ra và tạo ra lợi ích cho những người dân địa phương tham gia tích cực*".

Một định nghĩa khác của Honey (1999) "*Du lịch sinh thái là du lịch hướng tới những khu vực nhạy cảm và nguyên sinh thường được bảo vệ với mục đích nhằm gây ra ít tác hại và với quy mô nhỏ nhất. Nó giúp giáo dục du khách, tạo quỹ để bảo vệ môi trường, nó trực tiếp đem lại nguồn lợi kinh tế và sự tự*

quản lý cho người dân địa phương và nó khuyến khích tôn trọng các giá trị về văn hóa và quyền con người”.

Năm 2000, Lê Huy Bá cũng đưa ra khái niệm về du lịch sinh thái “*Du lịch sinh thái là một loại hình du lịch lấy các hệ sinh thái đặc thù, tự nhiên làm đối tượng để phục vụ cho những khách du lịch yêu thiên nhiên, du ngoạn, thưởng thức những cảnh quan hay nghiên cứu về các hệ sinh thái. Đó cũng là hình thức kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế du lịch với giới thiệu về những cảnh đẹp của quốc gia cũng như giáo dục tuyên truyền và bảo vệ, phát triển môi trường và tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững”.*

Nhưng gần đây, người ta cho rằng nội dung căn bản của du lịch sinh thái là tập trung vào mức độ trách nhiệm của con người đối với môi trường. Quan điểm thụ động cho rằng du lịch sinh thái là du lịch hạn chế tối đa các suy thoái môi trường do du lịch tạo ra, là sự ngăn ngừa các tác động tiêu cực lên sinh thái, văn hoá và thẩm mỹ. Quan điểm chủ động cho rằng du lịch sinh thái còn phải đóng góp vào quản lý bền vững môi trường lãnh thổ du lịch và phải quan tâm đến quyền lợi của nhân dân địa phương. Do đó, người ta đã đưa ra một khái niệm mới tương đối đầy đủ hơn:

"Du lịch sinh thái là du lịch có trách nhiệm với các khu thiên nhiên là nơi bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho nhân dân địa phương".

Ngoài ra còn một số định nghĩa về du lịch sinh thái có thể tham khảo như:

Định nghĩa của Nepal: “*Du lịch sinh thái là loại hình du lịch để cao sự tham gia của nhân dân vào việc hoạch định và quản lý các tài nguyên du lịch để tăng cường phát triển cộng đồng, liên kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển du lịch, đồng thời sử dụng thu nhập từ du lịch để bảo vệ các nguồn lực mà ngành du lịch phụ thuộc vào”.*

Định nghĩa của Malaysia: “*Du lịch sinh thái là hoạt động du lịch thăm viếng một cách có trách nhiệm với môi trường tới những khu thiên nhiên còn nguyên vẹn, nhằm tận hưởng và trân trọng các giá trị của thiên nhiên (và những*

đặc tính văn hóa kèm theo, trước đây cũng như hiện nay), mà hoạt động này sẽ thúc đẩy công tác bảo tồn, có ảnh hưởng của du khách không lớn, và tạo điều kiện cho dân chúng địa phương được tham dự một cách tích cực có lợi về xã hội và kinh tế”.

Định nghĩa của Australia: *“Du lịch sinh thái là du lịch dựa vào thiên nhiên có liên quan đến sự giáo dục và diễn giải về môi trường thiên nhiên và được quản lý bền vững về mặt sinh thái”.* Ở định nghĩa này, quản lý bền vững và giáo dục là 2 nhân tố chủ yếu nhấn mạnh trong du lịch sinh thái.

Định nghĩa của Hiệp hội Du lịch sinh thái Quốc tế: *“Du lịch sinh thái là việc đi lại có trách nhiệm tới các khu vực thiên nhiên mà bảo tồn được môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương”.*

Quan điểm thụ động cho rằng du lịch sinh thái là du lịch hạn chế tối đa các suy thoái môi trường do du lịch tạo ra, là sự ngăn ngừa các tác động tiêu cực lên sinh thái, văn hoá và thẩm mỹ. Quan điểm chủ động cho rằng du lịch sinh thái còn phải đóng góp vào quản lý bền vững môi trường lãnh thổ du lịch và phải quan tâm đến quyền lợi của nhân dân địa phương.

Như vậy du lịch sinh thái là hoạt động du lịch tập trung vào mức độ trách nhiệm của con người đối với môi trường, có tính giáo dục và diễn giải cao về tự nhiên, có đóng góp cho hoạt động bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho nhân dân địa phương.

Ở Việt Nam, du lịch sinh thái là một lĩnh vực mới được nghiên cứu từ giữa những thập kỷ 90 của thế kỷ XX, xong đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu về du lịch và môi trường. Do trình độ nhận thức khác nhau, ở những góc độ nhìn nhận khác nhau. Khái niệm về du lịch sinh thái cũng chưa có nhiều điểm thống nhất. Để có được sự thống nhất về khái niệm làm cơ sở cho công tác nghiên cứu và hoạt động thực tiễn của du lịch sinh thái, Tổng cục du lịch Việt Nam đã phối hợp với nhiều tổ chức quốc tế như ESCAP, WWF... có sự tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học quốc tế Việt Nam về du lịch sinh

thái và các lĩnh vực liên quan, tổ chức hội thảo quốc gia về “Xây dựng chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam” từ ngày 7 đến 9/9/1999. Một trong những kết quả quan trọng của hội thảo lần đầu tiên đã đưa ra định nghĩa về du lịch sinh thái ở Việt Nam, theo đó: *“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”*.

Du lịch sinh thái còn có những tên gọi khác được khái quát như sau:

- Du lịch thiên nhiên (Nature Tourism)
- Du lịch dựa vào thiên nhiên (Nature based Tourism)
- Du lịch môi trường (Environmental Tourism)
- Du lịch đặc thù (Particcular Tourism)
- Du lịch xanh (Green Tourism)
- Du lịch thám hiểm (Adventure Tourism)
- Du lịch bản xứ (Indigennous Tourism)
- Du lịch có trách nhiệm (Responsible Tourism)
- Du lịch nhạy cảm (Sensitized Tourism)
- Du lịch nhà tranh (Cottage Tourism)
- Du lịch bền vững (Sustainable Tourism)

1.1.2. Đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái

Hoạt động khai thác du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng đều được thực hiện dựa trên những giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hóa lịch sử do con người tạo ra và có sự kết hợp của các dịch vụ, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Nhờ vào những yếu tố đó để nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch tiềm năng hấp dẫn đem lại lợi ích cho xã hội.

Du lịch sinh thái là một trong những loại hình hoạt động du lịch, vì nó cũng bao gồm những đặc trưng cơ bản của hoạt động du lịch nói chung :

Tính đa ngành: Thể hiện ở đối tượng được khai thác phục vụ du lịch (sự hấp dẫn về cảnh quan tự nhiên, các giá trị lịch sử, văn hóa , cơ sở hạ tầng và các dịch vụ kèm theo...) Thu nhập xã hội từ du lịch cũng mang lại nguồn thu cho nhiều ngành kinh tế khác nhau thông qua các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách du lịch (điện, nước, nông sản, hàng hóa...).

Tính đa thành phần: Biểu hiện ở tính đa dạng trong thành phần khách du lịch, những người phục vụ du lịch, cộng đồng địa phương, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức tư nhân tham gia vào hoạt động du lịch.

Tính đa mục tiêu: Biểu hiện ở những lợi ích đa dạng về bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan lịch sử văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống của khách du lịch và người tham gia hoạt động dịch vụ du lịch, mở rộng sự giao lưu văn hóa , kinh tế và nâng cao ý thức tốt đẹp của mọi người trong xã hội.

Tính liên vùng: Biểu hiện thông qua các tuyến du lịch với một quần thể các điểm du lịch trong một khu vực, trong một quốc gia hay giữa các quốc gia với nhau.

Tính mùa vụ: Biểu hiện ở thời gian diễn ra hoạt động du lịch tập trung với cường độ cao trong năm. Tính mùa vụ thể hiện rõ nhất ở các loại hình du lịch nghỉ biển, thể thao theo mùa ...(theo tính chất của khí hậu) hoặc loại hình du lịch nghỉ cuối tuần, vui chơi giải trí ...(theo tính chất công việc của những người hưởng thụ sản phẩm du lịch).

Tính chi phí: Mục đích đi du lịch của các khách du lịch là hưởng thụ các sản phẩm du lịch chứ không phải mục đích kiếm tiền.

Tính xã hội hóa: Việc thu hút toàn bộ mọi thành phần trong xã hội tham gia có thể trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động du lịch .

Bên cạnh những đặc trưng của ngành du lịch nói chung , du lịch sinh thái cũng hàm chứa những đặc trưng riêng bao gồm:

Tính giáo dục cao về môi trường: Du lịch sinh thái hướng con người tiếp cận gần hơn nữa với các vùng tự nhiên và các khu bảo tồn, nơi có cá giá trị cao

về đa dạng sinh học và nhạy cảm về mặt môi trường. Bằng các tài liệu, các nguồn thông tin, hướng dẫn viên, các phương tiện trên điem, tuyến tham quan...nhằm nâng cao nhận thức về môi trường và bảo tồn cho du khách. Giáo dục môi trường trong du lịch sinh thái có tác dụng trong việc làm thay đổi thái độ của du khách, cộng đồng và chính ngành du lịch đối với giá trị bảo tồn và sẽ góp phần tạo nên sự bền vững lâu dài của các dạng tài nguyên du lịch.

Góp phần bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên và duy trì tính đa dạng sinh học: Hoạt động du lịch sinh thái có tác dụng giáo dục con người bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, qua đó hình thành lên ý thức bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên quý hiếm ,nhằm thúc đẩy các hoạt động bảo tồn đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương: Khi cộng đồng địa phương cùng tham gia phát triển thì cuộc sống của người dân sẽ được cải thiện sẽ tốt hơn , ngoài ra chính cộng đồng địa phương sẽ tác động trong việc giáo dục du khách bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đồng thời cũng góp phần nâng cao hơn nữa giá trị nhận thức, tăng nguồn thu nhập. Điều này sẽ tác động một cách tích cực với hoạt động bảo tồn tài nguyên du lịch sinh thái.

1.1.3. Nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái

Du lịch sinh thái hiện nay đang phát triển mạnh song sự phát triển nhanh chóng này dễ đe dọa tính bền vững của du lịch sinh thái và mở rộng ra những cái có thể đóng góp cho sự phát triển bền vững. Du lịch sinh thái bản thân nó bị giới hạn phạm vi, mức độ phát triển nó không thể tiếp nhận một số lượng lớn du khách. Vì vậy vấn đề quan trọng trong việc phát triển du lịch sinh thái bền vững là sự kiểm soát hạn chế những nguyên tắc xử lý và thực hiện. Du lịch sinh thái bền vững đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững. Điều đó không có nghĩa là luôn có sự tăng trưởng liên tục về du lịch. Đây là điem khác biệt cần nhấn mạnh trong thời điem mà Việt nam bắt đầu lo lắng về tốc độ tăng trưởng của du

lịch. Du lịch sinh thái được phân biệt với các loại hình du lịch thiên nhiên khác về mức độ giáo dục cao về môi trường và sinh thái thông qua những hướng dẫn viên có nghiệp vụ lành nghề. Du lịch sinh thái chứa đựng mỗi tác động qua lại lớn giữa con người và thiên nhiên hoang dã cộng với ý thức được giáo dục nhằm biến chính những khách du lịch thành những người đi đầu trong việc bảo vệ môi trường. Phát triển du lịch sinh thái làm giảm tối thiểu tác động của khách du lịch đến văn hoá và môi trường, đảm bảo cho địa phương được hưởng nguồn lợi tài chính do du lịch mang lại và cần trú trọng đến những đóng góp tài chính cho việc bảo tồn thiên nhiên.

Những nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái cần phải tuân thủ:

Du lịch sinh thái phải phù hợp với những nguyên tắc tích cực về môi trường, tăng cường và khuyến khích trách nhiệm đạo đức đối với môi trường tự nhiên .

Giáo dục nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường, qua đó tạo ý thức tham gia vào nỗ lực bảo tồn.

Không làm tổn hại đến tài nguyên, môi trường, những nguyên tắc về môi trường không những chỉ áp dụng cho những nguồn tài nguyên bên ngoài (tự nhiên và văn hoá) nhằm thu hút khách mà còn bên trong của nó.

Du lịch sinh thái phải tập trung vào các giá trị bên trong hơn là các giá trị bên ngoài và thúc đẩy sự công nhận các giá trị này.

Luôn bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng.

Môi trường và hệ sinh thái cần phải đạt lên hàng đầu do đó mỗi người khách du lịch sinh thái sẽ phải chấp nhận tự nhiên theo đúng nghĩa của nó và chấp nhận sự hạn chế của nó hơn là làm biến đổi môi trường cho sự thuận tiện cá nhân.

Du lịch sinh thái phải đảm bảo lợi ích lâu dài đối với tài nguyên, đối với địa phương và đối với ngành (lợi ích về bảo tồn hoặc lợi ích về kinh tế, văn hoá, xã hội hay khoa học).

Du lịch sinh thái phải đưa ra những kinh nghiệm đầu tay khi tiếp xúc với môi trường tự nhiên, đó là những kinh nghiệm được hoà đồng làm tăng sự hiểu biết hơn là đi tìm cái lạ cảm giác mạnh hay mục đích tăng cường thể trạng cơ thể.

Những kinh nghiệm có tác động lớn và có nhận thức cao nên đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ càng của cả người hướng dẫn và các thành viên tham gia .

Cần có sự đào tạo đối với tất cả các ban ngành chức năng: địa phương, chính quyền, tổ chức đoàn thể, hãng lữ hành và các khách du lịch (trước, trong và sau chuyến đi).

Thành công đó phải dựa vào sự tham gia của cộng đồng địa phương, tăng cường sự hiểu biết ,tạo cơ hội việc làm,và sự phối hợp với các ban ngành chức năng.

Các nguyên tắc về đạo đức, cách ứng xử và nguyên tắc thực hiện là rất quan trọng. Nó đòi hỏi cơ quan giám sát của ngành phải đưa ra các nguyên tắc và các tiêu chuẩn được chấp nhận và giám sát toàn bộ các hoạt động.

Khách du lịch cần được cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về khu vực đến thăm, đảm bảo tính giáo dục cao, thỏa mãn nhu cầu du lịch cho du khách.

Là một hoạt động mang tính chất quốc tế, cần phải thiết lập một khuôn khổ.

1.1.4. Điều kiện phát triển du lịch sinh thái

1.1.4.1 Tài nguyên du lịch sinh thái

“Tài nguyên du lịch sinh thái là một bộ phận quan trọng của tài nguyên du lịch bao gồm các giá trị tự nhiên thể hiện trong một hệ sinh thái cụ thể và các giá trị văn hóa bản địa tồn tại và phát triển không tách rời hệ sinh thái tự nhiên đó”. (Theo PGS.TS Phạm Trung Lương). Tuy nhiên không phải mọi giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa đều được coi là tài nguyên du lịch sinh thái mà chỉ có các thành phần và cá thể tổng hợp tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa gắn với một hệ sinh thái cụ thể được khai thác, sử dụng để tạo ra các sản phẩm

du lịch sinh thái, phục vụ cho mục đích phát triển du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng, mới được xem là tài nguyên du lịch sinh thái.

Tài nguyên du lịch sinh thái rất đa dạng và phong phú. Tài nguyên du lịch sinh thái bao gồm tài nguyên đang khai thác và tài nguyên chưa được khai thác. Tuy nhiên, một số tài nguyên du lịch sinh thái chủ yếu thường được nghiên cứu khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch sinh thái như : các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù với nhiều loài sinh vật đặc hữu quý hiếm (Vườn Quốc Gia, Khu bảo tồn thiên nhiên....) ; các hệ sinh thái nông nghiệp(vườn cây ăn trái, trang trại,...) ; các giá trị văn hóa bản địa gồm những giá trị truyền thống bản sắc văn hóa địa phương các phong tục tập quán các nghi lễ ở chính nơi đó.

1.1.4.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo và sử dụng sản phẩm cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch sinh thái là toàn bộ phương tiện vật chất tham gia vào việc tạo ra sản phẩm dịch vụ hàng hóa du lịch nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách du lịch. Với du lịch sinh thái nó bao gồm các hoạt động nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu đi lại, ăn uống lưu trú, mua sắm, giải trí, thông tin liên lạc, các hoạt động giải trí, hướng dẫn, nghiên cứu thiên nhiên và văn hóa... của khách du lịch. Vì vậy, phạm vi hoạt động kinh doanh rất rộng, bao gồm hệ thống các cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng, các điểm vui chơi giải trí, cho hệ thống giao thông vận tải, điện, nước, thông tin liên lạc.

Những nơi có điều kiện cho phát triển du lịch sinh thái thường nằm ở vùng sâu, vùng xa việc đi lại thường gặp nhiều khó khăn, vì vậy đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để du khách có thể đến được những điểm tham quan là rất cần thiết. Tuy nhiên, nếu việc quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng không hợp lý và khoa học thì sẽ dễ dẫn đến phá vỡ cảnh quan môi trường. Việc quy hoạch

xây dựng cơ sở hạ tầng cho phù hợp, thân thiện với môi trường là vô cùng quan trọng. Hệ thống giao thông phải được thiết kế để chống xói mòn và đảm bảo nơi cư trú cho động thực vật. Triệt để sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng. Các thiết bị xử lý chất thải, nước thải phải được sử dụng phù hợp, hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nơi vui chơi giải trí là những hạng mục cơ sở hạ tầng cần được đặc biệt coi trọng về mặt thiết kế cũng như việc sử dụng vật liệu xây dựng và địa điểm xây dựng... Đó là yêu cầu quan trọng không chỉ đảm bảo cho sự phát triển du lịch sinh thái bền vững mà còn có cả ý nghĩa kinh tế xã hội. Xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo cho việc cung cấp và làm thỏa mãn nhu cầu của khách tham quan cùng với việc đảm bảo cho phát triển bền vững là yêu cầu quan trọng của du lịch sinh thái.

1.1.4.3 Nguồn nhân lực du lịch

Trong du lịch sinh thái, số lượng dân cư và chất lượng lao động ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh và quan trọng hơn là ảnh hưởng tới môi trường sinh thái, hệ động thực vật. Hệ sinh thái, môi trường tự nhiên sẽ rất dễ bị phá vỡ nếu mật độ dân cư quá đông, trình độ dân trí thấp.

Với du lịch sinh thái, sự tham gia của cư dân địa phương đóng một vai trò quan trọng. Trong khi các đơn vị điều hành du lịch, các khách sạn và chính quyền địa phương cố gắng tiếp thị sản phẩm của mình, trong đó có những nội dung, hoạt động không phù hợp với nguyên tắc của du lịch sinh thái, người ta thường không quan tâm đến khả năng quản lý tài nguyên thiên nhiên cũng như sự đóng góp của cư dân bản địa đến hoạt động du lịch sinh thái. Hậu quả của cách làm này sẽ trở lên đáng lo ngại. Các hình thức kinh doanh như vậy sẽ đi đến giai đoạn thoái trào do không bảo vệ được cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái. Trên thực tế mối quan hệ giữa người dân bản địa và các nguồn tài nguyên thiên nhiên là một quan hệ gắn bó được thiết lập lâu đời. Ở nhiều nơi người dân địa phương sử dụng tài nguyên thiên nhiên như phương tiện sống hay một kế sinh nhai của mình và họ biết cách để bảo vệ, kiểm soát việc sử dụng

tài nguyên thiên nhiên để tránh đi tình trạng tàn phá tài nguyên. Yếu tố quan trọng đối với một điểm du lịch sinh thái thành công hay không đó là lao động làm việc trong các đơn vị này ngoài những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ về du lịch đơn thuần, họ còn phải là các chuyên gia về môi trường, sự hiểu biết sâu rộng về hệ động thực vật tại khu vực mà họ làm việc, giảng giải thuyết minh cho khách tham quan.

Rõ ràng vai trò của dân cư và nguồn nhân lực là rất quan trọng, phải có những chiến lược để quy hoạch dân cư và phát triển nguồn nhân lực một cách khoa học có như vậy mới đảm bảo cho hoạt động du lịch sinh thái đi đúng hướng của nó.

1.1.4.4 Các chính sách phát triển du lịch sinh thái

Khuyến khích phát triển các nguồn lực du lịch về phương diện sức hấp dẫn thiên nhiên cũng như các điểm lịch sử, khảo cổ và văn hóa, chú trọng đến chất lượng cùng với hệ thống thông tin có hiệu quả và có nhận thức về khả năng thu xếp nơi nghỉ cho du khách.

Có sự điều phối để tạo ra sự hợp tác giữa tất cả các bên liên quan, nhấn mạnh đến việc thúc đẩy tinh thần trách nhiệm đối với hệ sinh thái và việc tổ chức các tour sẽ không gây thiệt hại hay hủy hoại môi trường.

Xây dựng nhận thức về loại hình du lịch mà có góp phần vào sự nghiệp bảo tồn và có sự hoàn trả thích hợp cho hệ sinh thái.

Triển khai lập kế hoạch, cải tiến và xây dựng nguyên tắc và quy định, tổ chức, quản lý hiệu quả du lịch sinh thái, từ đó có thể tạo ra sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa Chính phủ, khối tư nhân và người dân địa phương.

Có chính sách, cơ chế động viên cộng đồng địa phương tham gia trực tiếp vào quá trình thu được lợi ích từ du lịch.

Chính sách xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá là một khâu quan trọng trong quá trình phát triển và xây dựng thương hiệu, hình ảnh của một sản phẩm hay điểm đến. Đối với du lịch sinh thái việc tuyên truyền quảng bá và hoạt động xúc

tiền thương mại lại còn quan trọng hơn. Phải làm thế nào khuyến khích du khách có mong muốn được đi du lịch theo hình thức du lịch sinh thái. Trên thực tế nhu cầu đi du lịch, nhất là du lịch sinh thái của con người ngày càng tăng nhưng nếu một điểm du lịch hay một khu du lịch dù có cảnh quan thiên nhiên độc đáo, hấp dẫn, môi trường trong lành, hệ sinh thái đa dạng có thể nói đó là một điểm du lịch lý tưởng nhưng nếu những thông tin về nó không được quảng bá, không đến được với du khách thì chắc chắn điểm du lịch đó cũng không có nhiều khách đến tham quan.

Hoạt động xúc tiến, tuyên truyền quảng bá phải được thông qua các kênh quảng cáo khác nhau. Có rất nhiều hình thức quảng bá hữu hiệu, nhưng tiết kiệm và hiệu quả nhất đó là quảng bá trực tiếp ngay tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Một trong những đặc điểm dịch vụ du lịch, trong đó có du lịch sinh thái là nó chỉ xuất hiện khi khách hàng, khách du lịch đến sử dụng, tham quan. Ngày nay với sự phát triển vượt bậc của khoa học – kỹ thuật, sự phát triển của phương tiện thông tin, do đó có rất nhiều hình thức quảng bá xúc tiến phát triển du lịch. Việc xây dựng, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, môi trường cảnh quan thiên nhiên độc đáo hay thái độ phục vụ, hành vi ứng xử có văn hóa của nhân viên phục vụ, cộng đồng dân cư địa phương đó là những phương thức để quảng bá hữu hiệu nhất.

Nếu đưa ra những chính sách phát triển cùng công tác quảng bá được chú trọng đúng mực, duy trì thường xuyên thì nó sẽ là nhân tố quan trọng cho phát triển du lịch sinh thái.

1.1.5 Các loại hình du lịch sinh thái

Cùng với sự phát triển du lịch sinh thái của thế giới, du lịch sinh thái ở Việt Nam phát triển với nhiều loại hình phù hợp với đặc thù của Việt Nam:

Dã ngoại: Đây là hình thức đưa con người trở về với thiên nhiên, sản phẩm chủ yếu của loại hình này là tham quan thắng cảnh.

Leo núi: Là loại hình du lịch chinh phục những đỉnh núi cao, ngoài ra còn có thể kể đến những tour du lịch hành hương lễ hội đến những di tích lịch sử như chùa Hương, Yên Tử, chùa Thầy,...

Đi bộ trong rừng: là hình thức được ưa chuộng trên thế giới. Ở Việt Nam hình thức này kết hợp với việc tham quan các cảnh quan tự nhiên ở trong các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên đang phát triển.

Tham quan nghiên cứu đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên: Là loại hình thu hút được nhiều sự quan tâm của khách từ nhiều thị trường khác nhau.

Tham quan miệt vườn: Sản phẩm chủ yếu của loại hình này là hệ sinh thái nông nghiệp. Hình thức này tuy mới phát triển rộng nhưng đã thu hút được khá nhiều khách du lịch trong nước và khách du lịch quốc tế.

Quan sát chim: Các sân chim ở Việt Nam đặc biệt là các sân chim nằm ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long có số lượng chim lớn, thành phần loài phong phú, với nhiều loài đặc hữu, quý hiếm cần được bảo vệ...nơi thu hút nhiều nhà khoa học và du khách tới nghiên cứu, tham quan... hình thức này ở Việt Nam mới phát triển chưa phổ biến nhiều.

Thăm bản làng các dân tộc: Khách du lịch có cơ hội tìm hiểu các giá trị văn hóa bản địa như tập tục sinh hoạt, sản xuất, lễ hội...được hình thành và phát triển gắn với đặc điểm tự nhiên của vùng.

Du thuyền: Việt Nam là một đất nước có mật độ sông ngòi dày đặc, đây chính là điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức loại hình du lịch tham quan thắng cảnh trên du thuyền đầy hấp dẫn.

Mạo hiểm: Ở Việt Nam hình thức du lịch mạo hiểm bắt đầu được hình thành từ du lịch lặn biển, mô tô vượt các địa hình hiểm trở...

Săn bắn câu cá: Các hoạt động được thực hiện tại các khu vực khoanh vùng dành riêng, nhiều địa điểm phục vụ cho hoạt động câu cá được mở nhiều trong thời gian gần đây phục vụ cho nhu cầu của một lượng khách đông đảo.

Các loại hình khác: Tổ chức các tour du lịch cấp khu vực hay xuyên quốc gia để tham quan tìm hiểu cảnh quan thiên nhiên và con người Việt Nam.

Mỗi quốc gia sẽ có những lợi thế khác nhau để phát triển du lịch. Ở Việt Nam chúng ta, lợi thế nằm ở chỗ chúng ta có đa dạng các hệ sinh thái. Du lịch sinh thái không có được nét đẹp sang trọng như nhiều công trình nhân tạo, song nó thực sự mang đến cho du khách cảm giác thư giãn bởi được hòa mình vào thiên nhiên, được chiêm ngưỡng những cảnh sắc tươi đẹp và hoang dã của đất trời. Cảm nhận cái đẹp nguyên thủy của tạo hóa để yêu thiên nhiên hơn, trân trọng thiên nhiên hơn thực sự là một trải nghiệm vô cùng tuyệt vời mà những ai mê du lịch nên khám phá.

1.1.6 Mối quan hệ du lịch sinh thái và môi trường

Hiện nay vấn đề môi trường đã và đang có tác động rất lớn đối với phát triển kinh tế đất nước và sự phát triển của ngành du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng. Du lịch sinh thái đã mang lại lợi ích cụ thể trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên. Đồng thời tạo công ăn việc làm cho người dân đại phương. Việc khai thác hợp lý, phục hồi, cải tạo và tái tạo tài nguyên du lịch sẽ làm tốt lên chất lượng môi trường du lịch, làm tăng sức hấp dẫn tại các điểm, khu du lịch. Ngược lại, việc khai thác không đồng bộ, không có các biện pháp phục hồi, tái tạo tài nguyên du lịch sẽ dẫn đến việc phá vỡ cân bằng sinh thái, gây nên sự giảm sút chất lượng môi trường, cạn kiệt nguồn tài nguyên, ô nhiễm môi trường lạm phát, sự đi xuống của hoạt động du lịch cũng như chất lượng của môi trường du lịch ở khu vực đó. Hơn nữa hoạt động du lịch sinh thái xuất hiện trong vùng nhạy cảm về môi trường văn hóa, đặc biệt con người bị tổn thương.

Tài nguyên tự nhiên là yếu tố cơ bản hình thành và phát triển du lịch sinh thái tuy nhiên cũng cần phải quan tâm đến yếu tố cộng đồng địa phương trong mối quan hệ này. Yếu tố để thu hút sự quan tâm của khách du lịch với cộng đồng địa phương rất đa dạng như: yếu tố văn hóa, di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật,

tập quán sản xuất, sinh hoạt, ẩm thực ... có mối quan hệ chặt chẽ và có những tác động ảnh hưởng đến phát triển du lịch. Bản chất và mục tiêu hoạt động của du lịch sinh thái là đảm bảo cho công việc bảo tồn, đồng thời mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương thông qua việc giúp cộng đồng địa phương quản lý tài nguyên của họ. Thu ngoại tệ làm đa dạng hóa nền kinh tế địa phương. Tạo động lực để nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, thông tin liên lạc, các cơ sở y tế, phương tiện và điều kiện vui chơi giải trí ... mang lại lợi ích xã hội cho cộng đồng địa phương. Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa người dân địa phương và du khách, là cơ hội cho người dân tiếp xúc giới thiệu những giá trị truyền thống của địa phương mình, góp phần nâng cao dân trí, cải thiện nhận thức, tạo mối quan hệ xã hội ngày càng rộng mở. Tuy nhiên dù là loại hình du lịch nào nếu phát triển không đúng thì đều gây tác động tiêu cực. Du lịch có thể góp phần vào quá trình phát triển và kém phát triển, làm tăng thêm khoảng cách giữa người giàu và người nghèo. Tạo ra sự phụ thuộc nặng nề vào hoạt động du lịch, làm nảy sinh bất ổn về tài chính, làm đảo lộn đời sống kinh tế xã hội. Gây ra sự quá tải đối với cơ sở vật chất kỹ thuật dẫn đến ảnh hưởng nhu cầu cuộc sống của người dân địa phương. Bên cạnh ý nghĩa mở rộng và giao lưu văn hóa, sự xâm hại của du khách đối với truyền thống văn hóa của địa phương gây ra ảnh hưởng tiêu cực và tác động mạnh mẽ văn hóa – xã hội bản địa. Như vậy bất kì một loại hình du lịch nào cũng có những mặt tiêu cực nếu không có một định hướng phát triển đúng đắn. Vì vậy chúng ta phải hiểu và nắm về mặt lý luận của du lịch sinh thái là một vấn đề quan trọng trước khi bắt tay vào thiết kế một kế hoạch phát triển du lịch sinh thái cho một vùng cụ thể.

1.2. Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái của một số quốc gia trong khu vực

Trong những năm qua, một số nước trong khu vực và ở châu Á, với xuất phát điểm và điều kiện tương tự của nước ta, nhưng nhờ có chính sách đầu tư, cơ chế quản lý và những biện pháp phát triển du lịch thích hợp, đã đưa ngành du

lich lên mức phát triển khá cao, được du khách và các chuyên về du lịch của thế giới đánh giá cao.

Điển hình như Thái Lan với những chiến dịch quảng bá và xúc tiến đa dạng. Họ có tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu thị trường và xúc tiến quảng bá, sau đó đưa ra định hướng và những giải pháp cụ thể cho các doanh nghiệp thực hiện. Luôn phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành có liên quan đến du lịch để chỉ đạo các doanh nghiệp triển khai các hoạt động du lịch; qua đó, liên tục đề xuất, trình Chính phủ phê duyệt từ các chính sách, chiến lược cho đến các chiến dịch, chương trình xúc tiến quảng bá từng thị trường khách cụ thể, trong từng giai đoạn nhất định.

Trung Quốc đã xây dựng, ban hành các chính sách du lịch và giám sát việc tuân thủ, thực hiện các chính sách đó; xây dựng chiến lược phát triển khu du lịch, phối hợp với các ban, ngành liên quan trong hoạt động đầu tư, phát triển du lịch; nghiên cứu và thu thập thông tin du lịch; cấp giấy phép hoạt động lữ hành; xúc tiến, quảng bá du lịch ra nước ngoài. Nhằm thu hút du khách quốc tế và nội địa, ngành du lịch Trung Quốc đã đưa ra những sản phẩm du lịch độc đáo, đa dạng với các chủ đề được sắp xếp theo từng năm.

Malaysia tăng cường đầu tư và chú trọng phát triển du lịch sinh thái. Malaysia là quốc gia có nền kinh tế du lịch phát triển vào bậc nhất Đông Nam Á. Chính phủ Malaysia đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của du lịch trong nền kinh tế quốc dân, nên đã đi trước chúng ta một bước dài trong công tác phát triển du lịch. Malaysia rất coi trọng công tác quảng bá sản phẩm du lịch trên cơ sở đa dạng sản phẩm - thỏa mãn khách hàng. Đồng thời, Chính phủ Malaysia thường xuyên nâng cấp trang thiết bị cho ngành du lịch (mỗi năm chi hàng triệu Ringgit cho công tác này) và duy trì phát triển văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Tóm lại các nước Thái Lan, Trung Quốc và Malaysia đều rất chú trọng đến phát triển du lịch, coi công tác phát triển du lịch là một quốc sách nên đã dành sự ưu

tiên đầu tư cho du lịch cả về cơ chế, chính sách lẫn hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất. Luôn phối hợp chặt chẽ với ngành du lịch để tổ chức và quản lý các hoạt động du lịch; tạo ra những chiến lược và sản phẩm du lịch tốt, có chất lượng cao; khai thác hiệu quả, đồng bộ tài nguyên du lịch, đem lại nguồn thu cho đất nước, tạo một vị thế nhất định với nước ngoài. Họ xây dựng các chiến lược, sách lược phát triển du lịch phù hợp, đạt hiệu quả kinh tế cao. Cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển rất linh hoạt và uyển chuyển. Xây dựng kế hoạch phát triển ưu tiên cho du lịch có trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ; đồng thời, rất coi trọng và đẩy mạnh hoạt động quảng bá du lịch, mạnh dạn đầu tư cho công tác phát triển thị trường của ngành du lịch ra nước ngoài nói chung và ở một số thị trường trọng điểm...

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, tìm hiểu về Cơ sở lý luận của du lịch lịch sinh thái đã hiểu rõ được khái niệm về du lịch sinh thái. Đồng thời, tổng kết những đặc trưng của du lịch sinh thái và những nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái. Điều kiện phát triển du lịch sinh thái và các loại hình du lịch sinh thái. Mối quan hệ du lịch sinh thái và cộng đồng địa phương, môi trường. Ngoài ra còn đưa ra một số kinh nghiệm phát triển du lịch ở một số quốc gia trong khu vực. Để từ đó làm cơ sở tiền đề cho việc phân tích tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang sẽ được trình bày ở chương 2.

CHƯƠNG 2 : ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở NA HANG, TUYÊN QUANG

2.1 Khái quát chung về Na Hang, Tuyên Quang

2.1.1. Vị trí địa lý, diện tích

Vị trí địa lý

Na Hang là một huyện vùng cao phía bắc của tỉnh Tuyên Quang, cách trung tâm thị xã Tuyên Quang 110 km, cách Hà Nội 259 km . Huyện có diện tích là 1471,7 km². Có tọa độ địa lý 22°21'14" vĩ độ Bắc 105°23'16" kinh độ Đông. Phía bắc giáp huyện Bắc Mê - tỉnh Hà Giang, huyện Bảo Lạc - tỉnh Cao Bằng. Phía đông giáp huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn. Phía nam giáp huyện Chiêm Hoá - tỉnh Tuyên Quang. Phía tây giáp huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang. Huyện có một thị trấn là thị trấn Na Hang và 16 xã: Sinh Long, Thượng Giáp, Phúc Yên, Thượng Nông, Xuân Lập, Côn Lôn, Yên Hoa, Khuôn Hà, Hồng Thái, Đà Vị, Khau Tình, Lãng Can, Thượng Lâm, Sơn Phú, Năng Khả, Thanh Tương. Với gần 20 dân tộc anh em chung sống. Thiên nhiên đã ban tặng cho Na Hang cảnh vật kỳ vĩ, nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá. Trước kia, đi từ thị xã Tuyên Quang lên Na Hang phải mất cả ngày đường nhưng bây giờ chỉ mất 2 giờ đi xe khách.

Na Hang luôn tự hào với sức cuốn hút kỳ lạ của một vùng sinh thái đa dạng, là nơi hợp nhất của hai con sông. Nơi đây còn được biết đến bởi nét văn hóa độc đáo của nhiều dân tộc, những câu chuyện nhân gian và huyền thoại vẫn được lưu truyền, kể lại và còn được in đậm mãi mãi trên những ngọn núi, rừng cây, con suối và chính trong cuộc sống của đồng bào dân tộc nơi đây. Cái tên Na Hang bắt nguồn từ hai chữ Nà Hang, theo tiếng đồng bào dân tộc Tày có nghĩa là ruộng cuối. Nếu ai chưa một lần đến với Na Hang thì thoáng nghe qua tên “Na Hang” cũng cảm thấy dường đến với miền sơn cước này dường đèo, dốc núi đá . Đến Na Hang chúng ta không khỏi bất ngờ về sự hùng vĩ của núi rừng Tuyên Quang, càng lên cao chúng ta lại cảm nhận được sự hùng vĩ, rộng lớn, núi non mây trời

hòa quyện, những cảnh đẹp của ngọn núi, rừng cây, dòng sông dần hiện ra trước mắt như một bức tranh lớn.

Trước đây Na Hang thuộc tỉnh Tuyên Quang, năm 1976 Hà Giang và Tuyên Quang sáp nhập thành Hà Tuyên, Na Hang thuộc tỉnh Hà Tuyên.

Năm 1991, tỉnh Hà Giang tách khỏi Hà Tuyên, Na Hang trở thành huyện của tỉnh Tuyên Quang.

Địa hình

Địa hình Na Hang đa dạng: hình đôi núi kết hợp với sông, suối, hồ thác. Địa hình Karst với các hang động đẹp, phong cảnh được ví như "Hạ Long giữa đại ngàn". Địa hình đôi núi thuộc cánh cung Sông Gâm, có nhiều núi đá vôi, tập trung ở phía Nam và phía Bắc, độ cao thấp dần từ Bắc xuống Nam. Nằm ở độ cao trên 1000 m so với mực nước biển. Na Hang được chia thành 3 khu: A,B,C

Tiểu vùng khu A, ở phía Nam của huyện gồm 3 xã và 1 thị trấn, so với 2 khu B, C, giao thông ở khu A thuận lợi hơn.

Tiểu vùng khu B, ở phía Bắc của huyện gồm 5 xã, địa hình có nhiều núi đá cao, xã xa nhất là Xuân Lập, cách trung tâm huyện 51 km.

Tiểu vùng khu C, ở phía Đông và Bắc của huyện gồm 8 xã, địa hình chủ yếu là núi cao.

Huyện Na Hang nằm trong lưu vực của 2 sông lớn là sông Gâm bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua núi Đồi xã Thượng Tân huyện Bắc Mê vào địa phận Na Hang với chiều dài 53 km, hướng sông chảy từ Bắc xuống Nam. Sông Năng bắt nguồn từ tỉnh Cao Bằng xuống hồ Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) chảy qua Thác Đầu Đẳng vào địa phận huyện Na Hang với chiều dài 25 km; hai sông hợp với nhau tại chân núi Pắc Tạ cách thượng lưu đập thủy điện 2 km. Ngoài ra 2 con sông Gâm và sông Năng, Na Hang còn có nhiều khe, lạch, suối nhỏ và trung bình.

Địa hình ở Na Hang thuận lợi cho việc phát triển thủy điện. Nhà máy thủy điện Tuyên Quang được xây dựng ở đây. Núi ở đây phần lớn là núi đá vôi. Đất đai có thành phần cơ giới tự nhiên nhẹ đến trung bình, tầng dày nhiều mùn, hơi

chua, độ pH từ 4,5 - 6, độ ẩm tương đối cao, thích hợp với nhiều loại cây trồng như lê, mận, chè bông và thuận lợi cho phát triển nghề rừng.

Có thể nhận thấy rằng địa hình ở đây rất thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái bởi nơi đây có hai con sông lớn với những dãy núi hang động huyền ảo. Du khách có thể du thuyền trên lòng hồ thủy điện lớn thứ 2 trên cả nước. Rồi được ghé thăm thác Mơ, thác Khuỷ Súng, Khuỷ Nhi, Khuỷ Me, Tin Tát, Thăm hang Phia Vài (nơi phát hiện ra hai di tích mộ táng và một di tích bếp lửa thuộc thời đồ đá trên 10.000 năm) , được chiêm ngưỡng những cánh rừng nguyên sinh có hàng nghìn năm tuổi.

Khí hậu, thủy văn

Na Hang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh. Mùa hè từ tháng 4 đến tháng 9, khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều. Mùa đông từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, không khí lạnh, khô hanh ít mưa, có nhiều sương muối cục bộ. Nhiệt độ trung bình năm 26°C, cao nhất 40°C, thấp nhất 0°C . Lượng mưa trung bình hàng năm 1.800mm. Độ ẩm không khí trung bình 85%.

Mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, mà khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa bình quân 1.941,5 mm/năm (thấp hơn so với các vùng khác của tỉnh Tuyên Quang 2.050 - 2500 mm/năm), lượng mưa phân bố không đều, tập trung chủ yếu vào các tháng mùa mưa 1.765 mm, chiếm 91% lượng mưa cả năm. Các tháng mùa khô có lượng mưa không đáng kể, lượng bốc hơi nước lại rất lớn (tháng 1 có lượng bốc hơi lớn nhất tới 100 mm). Do vậy đã dẫn đến hiện tượng sỏi mòn, rửa trôi, lũ lụt vào mùa mưa và khô hạn vào mùa khô gây ảnh hưởng rất lớn tới cuộc sống của nhân dân.

Tài nguyên đất

Bảng 2.1: Tình hình sử dụng quỹ đất của huyện Na Hang năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	81640,32	100,00

I	Đất nông – lâm nghiệp, thủy sản	72182,8	88,42
1	Đất sản xuất nông nghiệp	10478,02	14,52
2	Đất lâm nghiệp	61468,15	85,15
3	Đất nuôi trồng thủy sản	236,63	0,33
II	Đất phi nông nghiệp	2449,83	3,0
1	Đất ở	516,82	21,1
2	Đất chuyên dung	873,2	35,64
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	32,18	1,31
4	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	1027,63	41,95
III	Đất chưa sử dụng	7007,69	8,58
1	Đất bằng chưa sử dụng	195,48	2,79
2	Đất đồi núi chưa sử dụng	1958,57	27,95
3	Đất núi đá không có rừng cây	4853,64	69,26

(Nguồn: UBND huyện Na Hang, 2015)

Qua bảng số liệu ta thấy, trong tổng diện tích đất tự nhiên của huyện thì chủ yếu là diện tích đất nông - lâm nghiệp, thủy sản với 72.182,8 ha chiếm 88,42% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện; trong đó đất sản xuất lâm nghiệp chiếm 85,15%, đất sản xuất nông nghiệp chiếm 14,52% và đất nuôi trồng thủy sản chiếm 0,33%.

Ngoài ra, huyện còn có một diện tích lớn đất chưa sử dụng với 7.007,69 ha chiếm 8,58% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện. Tuy nhiên, diện tích đất chưa sử dụng này lại chủ yếu là đất núi đá không có rừng cây, ít có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế cho nhân dân.

Kết quả tổng hợp từ bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/50.000 của huyện do Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp xây dựng, toàn huyện có 4 nhóm đất chính:

Đất phù sa: 1.816 ha chiếm 2,16% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện.

Đất đen: 935,5 ha chiếm 1,11% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện.

Đất xám bạc màu: 63.917,7 ha chiếm 76,13% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện, phân bố ở các thung lũng trên địa bàn tất cả các xã trong huyện.

Đất đỏ: 3.770,8 ha chiếm 4,49% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện.

Các loại đất khác: 13.570,44 ha chiếm 16,16% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện.

Nhìn chung đất thoát nước tốt, thành phần cơ giới trung bình đến nặng, đất có phản ứng chua, đến chua mạnh ($PH = 4 - 4,5$), nghèo các chất dinh dưỡng dễ tiêu, Cation kiềm trao đổi, độ no Bago và dung dịch hấp thụ thấp. Đất bị rửa trôi xói mòn mạnh làm phân dị phẫu diện đất theo thành phần cơ giới: Phần trên phẫu diện đất có phong hoá bị sét nghèo và Sesquioxit. Hiện tượng này đặc biệt rõ ở nhóm đất xám.

Diện tích đất có tầng canh tác dày chỉ chiếm 8,3%, tầng canh tác dày trung bình 35,5% và tầng mỏng chiếm 50% diện tích tự nhiên của huyện.

Về độ dốc của đất, độ dốc từ 0° - 8° chiếm 6%; từ 8° - 15° chiếm 13%; từ 15° - 25° chiếm 32,8%; độ dốc lớn hơn 25° chiếm 41,22% diện tích đất của huyện.

Về độ cao: đất bằng chiếm 6%; đất đồi và đất thấp (25-200 m) chiếm 31%; đất núi ở độ cao trên 200 m chiếm 60% diện tích đất tự nhiên của huyện.

Tài nguyên nước

Nước là một yếu tố không thể thiếu trong đời sống và sản xuất của con người. Na Hang nằm trong lưu vực của 2 sông lớn: Sông Gâm bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua núi Đở xã Thượng Tân huyện Bắc Mê vào địa phận Na Hang với chiều dài 53 km, hướng sông chảy từ Bắc xuống Nam; Sông Năng bắt nguồn từ tỉnh Cao Bằng xuống hồ Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) chảy qua Thác Đầu Đẳng vào địa bàn huyện Na Hang với chiều dài 25 km; hai sông hợp với nhau tại chân núi Pắc Tạ cách thượng lưu đập thủy điện 2 km. Ngoài ra 2 con sông Gâm và sông Năng, Na Hang còn có nhiều khe, lạch, suối nhỏ và trung bình.

Ngoài ra trên địa bàn huyện có khá nhiều hồ, đầm lớn nhỏ khác nhau, nguồn nước ngầm cũng tương đối phong phú, chất lượng nước phần lớn là nước ngọt, mềm, chưa bị ô nhiễm là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân.

Tuy nhiên, do địa hình phức tạp, mực nước mặt hạ thấp vào mùa khô và hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu của huyện còn nhiều hạn chế nên tuy có nguồn nước khá phong phú nhưng vẫn dẫn đến tình trạng thiếu nước trong sản xuất nông nghiệp, nhất là trong vụ Đông - Xuân.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Dân số

Diện tích của huyện là 1.471,7 km² và dân số năm 2006 là 54.742 người. Mật độ dân số: 45 người/km².

Đơn vị hành chính:

Gồm 1 thị trấn Na Hang và 16 xã: Sinh Long, Thượng Giáp, Phúc Yên, Thượng Nông, Xuân Lập, Côn Lôn, Yên Hoa, Khuôn Hà, Hồng Thái, Đà Vị, Khau Tinh, Lãng Can, Thượng Lâm, Sơn Phú, Năng Khả, Thanh Tương.

Na Hang là nơi sinh sống của các dân tộc: Tày (57,52%), Dao (23,38%), Kinh (9,72%), H'Mông (5,31%), còn lại là các dân tộc khác.

Tại thời điểm năm 2013, dân số huyện Na Hang là 42.816 người, mật độ dân số trung bình 50 người/km². Tổng số hộ toàn huyện là 12.571 hộ. Bình quân mỗi hộ có 3,33 nhân khẩu.

Bảng 2.2 Thống kê dân số của huyện Na Hang theo từng năm

Năm	Diện tích(Km²)	Dân số trung bình (Người)	Mật độ dân số (Người/km²)
2006	1.471,7	54.742	45
2011	863,54	42.463	49
2013	863,54	42.816	50
2014	863,54	43.587	50
2015	863,53	43.964	51

(Nguồn: Công thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang)

Diện tích từ năm 2006 đến năm 2011 đã giảm gần 1/2. Có thể thấy rằng dân số của huyện từ năm 2006 đến năm 2011 đã giảm 12280 người qua 5 năm. với mật độ dân số tăng theo từng năm. Dân số từ năm 2011 đến năm 2015 tăng không đáng kể.

Khu vực nông thôn có 11.753 hộ với 39.565 nhân khẩu, chiếm 93,49% tổng số hộ và 94,5% tổng số nhân khẩu toàn huyện. Tổng số lao động trong nông

thôn toàn huyện là 24.649 lao động, chiếm 62,3% dân số thông thôn và 92,15% tổng số lao động trong toàn huyện. Số lao động trong ngành nông nghiệp 22.587 lao động, chiếm 84,44% số lao động trong toàn huyện. Số lao động trong ngành công nghiệp chiếm 6,89% và ngành dịch vụ chiếm 8,67% tổng số lao động trong toàn huyện. Điều đó cho chúng ta thấy số lao động trong nông thôn chủ yếu là lao động trong ngành nông nghiệp thuần túy, số lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ lại chủ yếu tập trung tại khu vực thị trấn. Vì vậy đã gây khó khăn trong việc phát triển kinh tế và công cuộc xoá đói giảm nghèo.

Bảng 2.3: Nhân khẩu và lao động của huyện Na Hang năm 2015

Chỉ tiêu	Số hộ		Nhân khẩu		Lao động	
	Số lượng (Hộ)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Khẩu)	Cơ cấu (%)	Số lượng (LĐ)	Cơ cấu (%)
Toàn huyện	12571	100	41868	100	26749	100
1. Chia theo khu vực	12571	100	41868	100	26749	100
- Khu vực thị trấn	818	6,51	2303	5,5	2100	7,85
- Khu vực nông thôn	11753	93,49	39565	94,5	24649	92,15
2. Chia theo ngành	12571	100	41868	100	26749	100
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	10530	83,77	35073	83,77	22587	84,44
- Công nghiệp, xây dựng	518	4,12	1726	4,12	1844	6,89
- Thương nghiệp, dịch vụ	1523	12,11	5069	12,11	2318	8,67

(Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Na Hang, 2015)

Tình hình phát triển kinh tế xã hội của Na Hang

Na Hang là huyện vùng cao của tỉnh Tuyên Quang, tuy những năm qua được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước nhưng cho đến nay mặt bằng chung của huyện vẫn là một huyện nghèo nhất tỉnh Tuyên Quang. Trong những năm qua huyện Na Hang đã đạt được một số kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao đời sống của nhân dân địa phương. Thể hiện qua các mặt sau:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện trong năm 2015 đạt 11,6%, đây là một kết quả rất đáng khích lệ đối với một huyện vùng cao còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu về thu nhập và đời sống của người dân cũng đạt được những thành tựu đáng kể. Cụ thể thu nhập bình quân đầu người năm 2012 là 9,5 triệu đồng/người/năm, đến năm 2015 đạt 11 triệu đồng/người/năm; sản lượng cây lương thực có hạt năm 2012 là 38.650 tấn, đến năm 2015 đạt 52.072 tấn; sản lượng lương thực có hạt bình quân trên đầu người của huyện năm 2015 đạt 643 kg/người/năm. Về chỉ tiêu xoá đói giảm nghèo của huyện cũng đạt được nhiều thành công, cụ thể tỷ lệ đói nghèo của huyện năm 2012 là 34,79% đến năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 21,57%.

* Về sản xuất nông nghiệp:

Trồng trọt:

Mặc dù có những khó khăn như diện tích đất nông nghiệp thấp, khả năng thuỷ lợi không đảm bảo cho sản xuất vụ đông, tuy nhiên trong năm qua ngành sản xuất trồng trọt của huyện cũng đạt được một số thành công như: Sản lượng lương thực có hạt năm 2015 đạt 42.547 tấn, tăng 1,3% so với năm 2014 do sử dụng giống mới cũng như có phương pháp canh tác hợp lý.

Bên cạnh thành công của cây lương thực có hạt, diện tích của một số loại cây trồng lâu năm cũng tăng lên như: diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 158 ha, diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng 52 ha, diện tích cây ăn quả tăng 23 ha, diện tích cây chè trồng mới tăng 47 ha so với năm 2014.

Chăn nuôi:

Chăn nuôi là một trong những thế mạnh của huyện Na Hang, bởi nơi đây có điều kiện về đồng cỏ chăn thả, cũng như do diện tích đất đồi nhiều nên thuận lợi cho phát triển chăn nuôi. Trong năm 2015 tổng đàn trâu của huyện là 7.982 con, giảm 2.194 con so với năm 2014. Đàn bò là 2.258 con, giảm 146 con so với năm 2014. Đàn lợn 37.153 con, gia cầm đạt 328.527 con. Nguyên nhân giảm chủ yếu của đàn trâu, bò là do những năm gần đây nhu cầu sức kéo bằng trâu, bò để phục vụ nông nghiệp giảm mạnh, đồng thời có những đợt rét đậm, rét hại kéo dài

Lâm nghiệp: Na Hang là một trong các xã có diện tích đất lâm nghiệp lớn nhất tỉnh Tuyên Quang vì vậy đây chính là một thế mạnh lớn của huyện. Trong năm 2015 diện tích trồng rừng mới tập trung đạt 1.685 ha, tăng 16,8% so với năm 2014, độ che phủ của rừng đạt 68,7%. Tuy diện tích rừng của huyện Na Hang nhiều nhưng hiện nay chưa thực sự gắn kết giữa phát triển nghề rừng với thu nhập của hộ nông dân, nhất là hộ nghèo, những hộ sống gần rừng.

Phát triển tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ:

Trong những năm gần đây việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ có bước phát triển tích cực, tạo điều kiện cơ bản cho tăng trưởng kinh tế của huyện trong thời gian tới. Hiện nay trên địa bàn huyện đã có 46 nhà máy, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động. Năm 2015 tổng giá trị sản xuất của ngành đạt 436,8 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1994).

Cơ cấu kinh tế của huyện Na Hang giai đoạn 2013 - 2015

Để đánh giá trình độ phát triển kinh tế của huyện, ta đi nghiên cứu cơ cấu kinh tế của huyện giai đoạn 2013 - 2015 và được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.4: Cơ cấu kinh tế huyện Na Hang năm 2013 - 2015

(Tính theo giá cố định năm 1994)

Năm	Tổng số		Nông nghiệp		Công nghiệp		Dịch vụ	
	Giá trị (Tr.đ)	%	Giá trị (Tr.đ)	%	Giá trị (Tr.đ)	%	Giá trị (Tr.đ)	%
2013	312.664	100	192.476	61,56	21.073	6,74	99.115	31,7
2014	359.277	100	213.195	59,34	22.706	6,32	123.376	34,34
2015	395.624	100	220.521	55,74	25.794	6,52	149.309	37,74

(Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Na Hang, 2015)

Qua bảng số liệu trên ta thấy, cơ cấu kinh tế của huyện giai đoạn 2013 - 2015 có ít biến động, hay nói cách khác là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ lớn 59,34% (năm 2014) và 55,74% (năm 2015), giá trị của ngành công nghiệp chiếm tỷ

lệ nhỏ, giá trị ngành dịch vụ có xu hướng tăng nhẹ từ 31,7% lên 37,74%. Nói chung cơ cấu kinh tế của huyện Na Hang vẫn còn lạc hậu và chưa có sự chuyển biến tích cực. Chính điều này đã hạn chế sự phát triển sản xuất của địa phương. Vì vậy huyện cần có kế hoạch, giải pháp thích hợp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm tạo ra động lực phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân.

2.2 Điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang

2.2.1 Tài nguyên du lịch sinh thái

Tài nguyên du lịch sinh thái tự nhiên

Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang được thành lập trên quyết định số 274/UB-QĐ ngày 09/05/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang, Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang có diện tích 22.401,5 ha nằm trên địa bàn 4 xã Khau Tinh, Côn Lôn, Sơn Phú, Thanh Tương của huyện Na Hang.

Với diện tích mặt nước rộng trên 8.000 ha cùng với nhiều cánh rừng nguyên sinh và cảnh quan hùng vĩ, Hồ thủy điện Tuyên Quang đang thực sự trở thành điểm đến của nhiều du khách gần xa. Đối với huyện Na Hang, du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Na Hang được đông đảo du khách biết đến với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như Thác Mơ, Thác Pác Hẩu, Nặm Me, Khuổi Súng. Rừng đặc dụng Tát Kê, Bản Bung rộng trên 21.000 ha. Từ khi Công trình Hồ thủy điện Tuyên Quang đi vào hoạt động đã tạo cho Na Hang một vùng hồ rộng lớn kết nối các tuyến đường thủy từ Na Hang với 8 xã khu C của huyện và nối liền với khu danh thắng Quốc gia đặc biệt Ba Bể của tỉnh Bắc Cạn. Tuyến Na Hang nối với huyện Lâm Bình và huyện Bắc Mê của tỉnh Hà Giang. Ngoài những danh lam thắng cảnh nổi tiếng thì các đền, chùa như Chùa Pác Tạ, Pác Vãng có từ thế kỷ thứ XIII cũng được trùng tu, khôi phục đã đáp ứng phần nào việc thăm quan, thưởng ngoạn các thắng cảnh và du lịch tâm linh của du khách.

Thắng cảnh thác Nặm Me (xã Khuôn Hà) là một con thác lớn tiêu biểu trong vùng, có chiều dài khoảng 4.000m, cao trên 200m so với mặt nước biển với 15 tầng thác lớn, xen giữa các tầng thác lớn là những tầng thác nhỏ với lưu lượng nước khá đều quanh năm. Thác có bề mặt rộng và thoáng, nước chảy bốn mùa len lỏi qua những cánh rừng nguyên sinh và dãy núi đá vôi trùng điệp, cây rừng cổ thụ mang đặc trưng các loại gỗ quý hiếm vùng nhiệt đới, liền kề với mặt hồ thủy điện Tuyên Quang tạo phong cảnh đẹp và hấp dẫn.

Thắng cảnh Thượng Lâm (xã Thượng Lâm) với truyền thuyết 100 con chim phượng hoàng và 99 ngọn núi kỳ thú, nguyên sơ bao quanh lòng hồ xanh trong. Nơi đây được mệnh danh là Hạ Long trên cạn.

Thắng cảnh động Song Long là một hang động đẹp, cách mặt nước hồ thủy điện trên 200m, lòng hang có nhiều cột thạch nhũ với các hình thù kỳ thú, màu sắc lấp lánh như hoa cương, chia thành nhiều ngách ngăn nối tiếp nhau, hấp dẫn khách đến tham quan du lịch.

Ngoài ra ngay bên thị trấn Nà Hang có thác nước Pác Ban kỳ ảo, thơ mộng, được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là thắng cảnh quốc gia. Thác Pác Ban có chín tầng (5 tầng thác lớn, 4 tầng thác nhỏ). Đây là điểm du lịch sinh thái với thảm thực vật phong phú nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên Tát Kè - Bản Bung (Nà Hang) không chỉ hấp dẫn du khách bởi cảnh quan thiên nhiên kỳ thú mà còn bởi những nét văn hoá riêng với những điệu hát then, hát lượn, hát sli và kho tàng truyện cổ tích truyền miệng..

Tài nguyên sinh vật

Huyện Na Hang có nhiều rừng nguyên sinh, thảm thực vật tương đối dày đặc, độ che phủ 83% diện tích tự nhiên, có khoảng 70% là rừng trên núi đá vôi, tuy nhiên còn có những vùng rừng thường xanh còn lại trên các đai thấp (Cox, 19942). Có nhiều loài động thực vật quý hiếm, đã xác định được trên 2.000 loài thực vật với nhiều loài trong Sách đỏ Việt Nam. Những loại gỗ quý như : Trai (*Garcinia fragraeoides*), Mun (*Diospyrus mollis*), Nghiến (*Burretiodendron*

hsienmu), Lát Hoa (*Chukrasiatubularis* A.juss), Đinh (*Markhamia stipulata*), Thông tre (*Podocarpus neriifolius*), Hoàng đàn, Tràm gió., sến tấu, những cây nghiêng hàng ngàn năm tuổi... vẫn được gìn giữ và bảo vệ tại nơi đây. Có rất nhiều loài hoa rừng nổi lên trong đó là những nhánh địa lan rừng sắc sỡ đang đua nở trên những vách đá treo leo hay những nhánh lan trên những ngọn cây cổ thụ. Hệ động vật trong khu bảo tồn có độ đa dạng sinh học cao, đã ghi nhận được 90 loài thú, 263 loài chim, 61 loài bò sát, 35 loài lưỡng cư. Có 13 loài thú trong Sách đỏ Việt Nam. Đặc biệt đây là nơi duy nhất ở Việt Nam có loài Voọc mũi hếch sinh sống với quần thể lớn nhất được ghi vào sách đỏ thế giới, đây là loài Linh trưởng đang bị đe dọa toàn cầu. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, tổ hợp rừng trên núi đá vôi Na Hang nằm trong hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới Bắc Đông Dương. Tại đây có 8 loài Khỉ hầu bị đe dọa tuyệt chủng mang tính toàn cầu. Vùng phân bố thế giới của loài Voọc mũi hếch và Voọc đầu trắng đều ở trong hệ sinh thái này. Chính vì vậy, Quỹ bảo tồn thiên nhiên thế giới của Mỹ (WWF-US) đã xác định đây là trong trong 223 hệ sinh thái có giá trị đa dạng sinh học cao nhất trên thế giới (Olson & Dinnerstein, 19983).

Đến Na Hang du khách còn được thỏa sức bơi, tắm mình dưới các thác nước do thiên nhiên ban tặng, bơi thuyền trên hồ đánh bắt cá đặc sản như Cá Chiên, Cá Quất, Cá Chép và hàng trăm loài thủy sản khác, được tự tay chế biến những món ăn vùng cao...

Tài nguyên du lịch nhân văn

Không chỉ có những tài nguyên về thiên nhiên, nơi đây còn được biết đến với một kho tàng lịch sử văn hóa độc đáo, điển hình là việc phát hiện ra di tích mộ táng của người Việt cổ xưa có niên đại trên dưới 10.000 năm tuổi tại hang Phia Vài (xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình). Tại buổi lễ khai mạc Tuần Văn hoá - Du lịch với chủ đề “Hồ trên núi” của huyện Nà Hang nằm trong Tuần Văn hoá - Du lịch "Về với xứ Tuyên" năm 2009 của tỉnh diễn ra đêm 04/10/2009, Đảng bộ và nhân dân huyện Nà Hang đã tổ chức lễ đón nhận Bằng xếp hạng Di tích Quốc gia cho các di tích, gồm: Hang Phia Vài, động Song Long, thác Nặm Me (Khuôn Sinh viên: Đào Thị Thuỳ Trang

Hà); hang Phia Muồn (Sơn Phú); đền Pác Tạ (thị trấn Nà Hang); chùa Phúc Lâm, Xưởng Quân khí H52, thắng cảnh Thượng Lâm (Thượng Lâm); Cơ quan Ấn loát đặc biệt Trung ương, Địa điểm sản xuất diêm tiêu (Năng Khả).

Di tích đền Pác Tạ (thị trấn Nà Hang) là một trong những dấu tích còn lại minh chứng cho cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ hai năm 1285: vị tướng tài giỏi Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật lúc đó đương trấn thủ vùng đất Tuyên Quang đã khôn khéo chỉ huy quân chống giặc từ Vân Nam xuống. Theo những tư liệu lịch sử cho thấy, ngôi đền Pác Tạ được dựng lên bên Gâm giang dưới ngọn Tạ sơn để phụng thờ và ngưỡng vọng vị hôn phu (người vợ sắp cưới) của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật.

Di tích hang Phia Vài (Khuôn Hà) là di chỉ khảo cổ điển hình, tìm thấy hàng nghìn công cụ lao động có niên đại cùng thời văn hóa Hòa Bình và bộ di cốt người nguyên thủy bán hóa thạch. Những di cốt động vật chủ yếu thuộc tập hợp bán hóa thạch của lớp địa tầng kết vón tầng văn hóa sớm, trong tập hợp di cốt bán hóa thạch có răng người khôn ngoan (*Homo sapiens*) và đại diện của quần động vật hậu kỳ Cánh tân như đười ươi (*Pongo sp.*). Những di cốt này nằm trong lớp trầm tích có độ kết vón rắn chắc cùng với các di tích động thực vật khác như ốc núi, cua đá, hạt trám là những di vật đặc trưng cho giai đoạn văn hóa có niên đại từ 20.000 đến 11.000 năm cách ngày nay. Những di cốt động vật bán hóa thạch tìm được ở Phia Vài bổ sung thêm những tư liệu quý để nghiên cứu về cổ môi trường và con người trong giai đoạn chuyển từ Cánh tân sang Toàn tân ở nước ta. Bếp lửa và mộ táng của di chỉ hang Phia Vài đã góp thêm tư liệu quý để tìm hiểu về táng tục, đời sống tinh thần cũng như cấu trúc xã hội của cư dân tiền sử. Bộ di cốt người nguyên thủy chôn nằm co, bó gối với cách khâm liệm độc đáo, táng thức bỏ ốc biển vào hốc mắt người quá cố đã cung cấp cho các nhà nghiên cứu cổ nhân học tìm được những chứng tích quan trọng về quá trình tiến hóa chủng tộc người, cũng là bộ di cốt điển hình, độc đáo ở Đông Nam Á. Di tích bếp lửa tìm được ở Phia Vài thuộc lớp văn hóa muộn có niên đại khoảng 8.000 năm cách

ngày nay, diện tích bấp không lớn, có thể phục vụ việc sưởi ấm hoặc nướng thức ăn cho một nhóm cộng đồng người theo kiểu huyết thống.

Di tích hang Phia Muồn (Sơn Phú) nằm trong khu vực phổ biến là những núi đá phiến sét vôi xen kẽ những núi đất, những dải thung lũng hẹp và những thảm rừng nguyên sinh còn khá nguyên vẹn. Phia Muồn là một di chỉ cư trú và là khu mộ táng của cư dân thuộc nhiều giai đoạn tiền sử khác nhau. Địa tầng và di vật khảo cổ học kèm theo cho thấy có 2 mức văn hóa thuộc 2 giai đoạn phát triển hậu kỳ đá mới: Mức sớm chứa những công cụ tiêu biểu kỹ nghệ truyền thống Hòa Bình như rìu ngắn, công cụ hình đĩa, công cụ bầu dục vv... Sự có mặt của nhiều mảnh tước chứng tỏ người nguyên thủy Phia Muồn đã chế tác công cụ ngay tại di chỉ. Lớp văn hóa sớm thuộc giai đoạn sớm của hậu kỳ đá mới, có niên đại khoảng từ 4.300 - 4.000 năm cách ngày nay. Lớp văn hóa muộn thuộc giai đoạn hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí có niên đại từ 4.000 - 3.500 năm cách ngày nay. Hai lớp văn hóa sớm và muộn nằm chồng trực tiếp lên nhau, phát triển liên tục, không có lớp giãn cách. Táng tục và đồ tùy táng cho thấy, toàn bộ 12 ngôi mộ thuộc hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí là tục chôn người thân ngay trong di chỉ, với một số loại táng thức mới: bên cạnh táng thức truyền thống trước đó, kiểu chôn người chết nằm co, bó gối là táng thức nằm ngửa, duỗi tay chân và kê đá xung quanh. Những tài liệu ở Phia Muồn đã cung cấp thêm về một loại táng thức cổ mới phát hiện ở Tuyên Quang, đó là tục chôn kê đá vây xung quanh huyết mộ và rải đá lên thân thể người chết đã hình thành một loại hình văn hóa Hòa Bình thuộc lưu vực sông Gâm, với những sắc thái riêng, tạo nên diện mạo, bản sắc vùng, phản ánh tính đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Hòa Bình nổi tiếng.

Di tích Cơ quan Ấn loát đặc biệt Trung ương (Năng Khả): Ngày 7-10-1947, giặc Pháp ồ ạt tấn công lên Việt Bắc hòng triệt phá cơ quan đầu não kháng chiến và các cơ sở kháng chiến của ta. Chúng nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, tiến công thành hai gọng kìm chiếm đánh thị xã Tuyên Quang, đánh lên Bản Thi (Chiêm Hóa) và dò tìm, triệt phá cơ sở in bạc Việt Nam và đầu não kháng chiến của ta. Nhằm bắt trước ý đồ của thực dân Pháp xâm lược, công nhân Cơ quan Ấn loát đã

được lệnh đánh sập nhà xưởng, ngụy trang máy móc và di chuyển số tiền đã được sản xuất trị giá 20 triệu đồng lên cất giấu tại hang Nà Thảm và hang Nà Bó, thôn Nà Chác, xã Năng Khả (Nà Hang). Nơi đây cũng là địa điểm tổ chức in tiền đầu tiên của nhà nước cách mạng Việt Nam.

Di tích Xưởng Quân khí H52 (Thượng Lâm) và địa điểm sản xuất diêm tiêu (Năng Khả) là 2 cơ sở trọng yếu khai thác và sản xuất diêm tiêu phục vụ kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn từ năm 1950 đến 1954, nơi có vị trí bảo đảm bí mật, an toàn, là nơi có nguồn nguyên liệu dồi dào để sản xuất diêm tiêu thô và than củi (hai nguyên liệu chính để sản xuất thuốc súng). Xưởng Quân khí H52 do đồng chí Ngô Gia Khảm làm giám đốc, chuyên sản xuất diêm tiêu làm thuốc súng (còn gọi là thuốc đen) đã đáp ứng một phần chế tạo vũ khí như lựu đạn, mìn, thuốc phóng, dây cháy chậm, pháo hiệu phục vụ chiến trường.

Các phong tục tập quán và sinh hoạt văn hóa truyền thống

Cộng đồng địa phương ở Na Hang vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa truyền thống, phong tục tập quán đặc trưng, đặc biệt là đồng bào người Tày và người Dao. Cộng đồng người Tày và người Dao ở Na Hang vẫn giữ nguyên vẹn ngôn ngữ gốc của mình. Các công trình kiến trúc nhà ở tuy đã được trang bị vệ sinh, hiện đại phù hợp với nếp sống văn minh, tiêu chuẩn nông thôn mới nhưng vẫn giữ gìn phong cách kiến trúc cổ truyền. Các món ẩm thực phong phú của đồng bào dân tộc thiểu số như: Cơm lam, thịt trâu khô, thịt lợn chua, xôi ngũ sắc, lẩu cá lăng, các món làm từ cá nheo hay rươi ngô... đều đem lại sức hấp dẫn đối với khách du lịch. Đồng bào các tộc người ở Na Hang có đời sống văn hoá, tinh thần khá phong phú. Trong lao động cải tạo thiên nhiên, xây dựng quê hương, đồng bào đã sáng tác nhiều bài ca, điệu múa thể hiện sự kỳ vĩ của thiên nhiên, ý chí vươn lên và niềm khát khao phấn đấu của mình cho cuộc sống vui tươi, hạnh phúc. Đồng bào Tày vẫn phổ biến chơi đàn tính tẩu và hát các làn điệu: hát then, hát cọi, hát quan làng. Người Dao có điệu hát Páo Dung gồm các loại hình: Páo Dung sinh hoạt (Hát giao duyên, hát ru, hát đồng dao, hát than, hát răn dạy); Páo dung lễ nghi, tín ngưỡng - phong tục (Hát trong đám cưới, hát trong lễ cấp sắc,

hát cúng Bàn Vương, hát trong đám tang, vào nhà mới...); Páo Dung lao động sản xuất, nội dung đề cao tinh thần lao động sáng tạo, về thời tiết, mùa vụ được các thế hệ người Dao tích lũy và truyền dạy cho thế hệ sau.

Các lễ hội truyền thống

Cho tới nay, cộng đồng ở Na Hang vẫn duy trì các tập tục lễ hội cổ truyền truyền.

Lễ hội Lòng Tông

Lễ hội Lòng Tông ngày hội xuống đồng truyền thống của dân tộc Tày, mang theo niềm hy vọng một năm mới mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Thường tổ chức vào mùng 4 tháng giêng âm lịch. Đây là lễ hội cầu Thần Nông, Thành Hoàng làng và Thần Địa phương của đồng bào dân tộc Tày, cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, bản làng bình yên no ấm... Các sản phẩm làm ra từ nông nghiệp được dâng lên các vị thần linh như: bánh chưng, thịt lợn, trứng luộc, xôi ngũ sắc tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng cùng với những khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc, sinh sôi nảy nở. Lễ hội Lòng Tông Thị trấn Na Hang được chia thành hai phần. Phần lễ cầu Thần Nông cho mưa thuận, gió hoà, gia cầm sinh sôi, bản làng bình yên no ấm.. Phần hội với nhiều trò chơi dân gian truyền thống, trong đó, vui nhất, đông người tham gia nhất là hội tung còn. Người dân địa phương thường quan niệm rằng, trong hội phải có người tung được quả còn ngũ sắc xuyên thủng hồng tâm thì năm đó bản làng làm ăn thuận lợi.

Việc tổ chức Lễ hội Lòng Tông hàng năm đã đáp ứng nhu cầu về đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện, tạo động lực mới để bà con phấn khởi thi đua lao động sản xuất, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đây cũng là dịp để nhân dân các dân tộc thị trấn Na Hang và du khách giao lưu, tìm hiểu những nét văn hoá độc đáo, giàu bản sắc của dân tộc Tày. Thông qua lễ hội còn là dịp để thị trấn Na Hang quảng bá với du khách gần xa về tiềm năng thế mạnh của địa phương, thúc đẩy kinh tế du lịch ngày càng phát triển.

Lễ hội giã cốm

Lễ hội giã cốm là một sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc sắc của đồng bào dân tộc Tày trên địa bàn xã Côn Lôn nói riêng và huyện Na Hang nói chung.

Lễ hội thường được tổ chức vào tháng 9 âm lịch, đó là thời điểm lúa nếp vừa chín vào chác. Để có được những hạt cốm thơm dẻo phải chọn thóc, thóc chọn là thóc nếp đặc sản của địa phương, hạt mẩy và có màu vàng nhạt đều. Cốm không chỉ có ý nghĩa đối với nhà nông mà nó còn mang ý nghĩa tâm linh, bởi sau khi kết thúc mùa thu hoạch lúa người nông dân muốn có hạt cốm thơm để dâng lên tiên tổ, cầu mong trời đất luôn mưa thuận gió hòa, giúp người nông dân gặp nhiều may mắn trong lao động sản xuất. Việc phục dựng lễ hội giã cốm nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người dân. Đây là dịp để thế hệ trẻ học tập kinh nghiệm làm cốm và giữ gìn bản sắc ẩm thực truyền thống của địa phương từ đó phát triển việc làm cốm trở thành một nghề đem lại nguồn thu nhập cao và ổn định cho người nông dân.

Với những nghi thức truyền thống, lễ hội giã cốm mang lại cho du khách và người dân địa phương những trải nghiệm mới, tạo nên nét đặc sắc riêng có của một lễ hội có từ lâu đời.

Lễ cấp sắc

Lễ cấp sắc là nét văn hóa nổi bật của người Dao. Để lễ cấp sắc phát triển rộng rãi và được nhiều người biết đến như hôm nay, đã có không ít người ở huyện vùng cao này gấn bó cả đời và dồn bao tâm huyết để nghiên cứu phát huy những tinh hoa góp phần bảo tồn giá trị văn hóa độc đáo của lễ cấp sắc của dân tộc Dao. Lễ cấp sắc có những tên gọi khác nhau như “Lập tính”, “Lập tỉnh” đều có ý nghĩa là nhập họ. Tục cấp sắc như biểu hiện của lễ thành đinh để gia nhập thế giới của người lớn. Đây là nghi lễ chấm dứt thời thơ ấu của chàng trai Dao. Từ đây, anh ta bắt đầu thực hiện nghĩa vụ của người đàn ông trong cộng đồng. Trong lễ cấp sắc, chàng trai được đặt tên mới, tên cấp sắc. Theo quan niệm của người Dao, tên đối với người thụ lễ là rất quan trọng, vì khi chết đi sẽ trở thành tên chính, tên

thường gọi ở thế giới bên kia. Còn khi cúng tế ngày rằm, mừng một hằng tháng, khi cúng xung ra mới có khả năng giao tiếp với thần phật, tổ tiên. Trong lễ cấp sắc, một vật dụng, yếu tố không thể thiếu trong nghi lễ là đèn. Đèn dùng trong lễ cấp sắc là sự thể hiện vị trí cao thấp khác nhau của những người được cấp sắc sau khi thụ lễ. Đèn được sử dụng với dụng ý soi sáng cho tâm hồn và tẩy rửa tất cả các tội lỗi, để người được cấp sắc trong sạch. Sau nghi thức đặt đèn các thầy cúng lần lượt đóng ấn cho người được cấp sắc. Lúc này đạo sắc âm được đổi đi, đạo sắc dương được giữ lại cho người thụ lễ. Lễ cấp sắc của người Dao có nhiều cung bậc khác nhau, mỗi bậc đều có ý nghĩa về quyền lực và tôn giáo và xã hội của nó: Lễ cấp sắc 3 đèn “Quá tang” là bậc đầu tiên, theo quan niệm truyền thống, tất cả người đàn ông Dao đều phải trải qua bước này; lễ cấp sắc 7 đèn “Lễ thất tinh”, người Dao gọi là “Quá sĩa tang”, chỉ cấp cho người đã có vợ và có hiểu biết nhất định về phong tục, tập quán, có ý chí theo đuổi nghề thầy cúng; lễ cấp sắc 12 đèn “Lễ thập nhị tinh”, tiếng Dao gọi là “Chiệp nhậy tang” là bậc cao nhất của cấp sắc, trong lễ này người thụ lễ được cấp 12 đèn và 12 âm binh, ngày chính lễ diễn ra trong 7 ngày, 7 đêm. Lễ cấp sắc 12 đèn hiện nay ít được sử dụng. Người Dao thường tổ chức lễ cấp sắc từ tháng 9 âm lịch năm trước đến tháng 2 âm lịch năm sau, lúc mùa màng đã thu hoạch xong, tiết trời se lạnh, không nắng không mưa cũng là lúc bà con nhàn rỗi nhất trong năm. Trong lễ cấp sắc, các thầy cúng phải cầu khẩn các thành phần bảo trợ của mình, phải cúng tổ tiên của gia chủ và đặc biệt phải mời Bàn Vương về dự. Theo người Dao thì Bàn Vương là ông Thủy tổ của dân tộc mình. Ấn sau đó ta thấy lấp lánh những giá trị nhân bản của lễ cấp sắc. Nó hướng con người ta tới cuộc sống tốt đẹp hơn, nêu cao tinh thần cố kết cộng đồng, mà đỉnh cao là hướng tới “Chân - Thiện - Mỹ”. Có lẽ đây cũng là lý do mà lễ cấp sắc của người Dao có sức sống mãnh liệt, bền bỉ và trường tồn theo thời gian.

Lễ hội ruộng bậc thang

Lễ hội ruộng bậc thang Hồng Thái (huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang) diễn ra vào cuối tháng 9/2018. Đây là một trong những hoạt động trong chuỗi sự kiện

Ngày hội Văn hóa du lịch vùng cao Na Hang lần thứ nhất. Nằm cách trung tâm thị trấn Na Hang trên 40km về phía Đông Bắc, du khách có thể di chuyển bằng ô tô hoặc xe máy đến thăm xã Hồng Thái - một xã vùng cao nằm chon von trên các đỉnh núi cao quanh năm mây phủ. Đến Hồng Thái vào khoảng cuối tháng 9 trong dịp lễ hội ruộng thang, du khách sẽ ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của ruộng bậc thang thôn Khau Tràng, Nà Kiếm, Bản Muông, Hồng Ba, Nà Mụ, Pác Khoang, Khuổi Phầy. Từng dải sóng lúa óng vàng uốn lượn bên sườn non làm mê hoặc bước chân du khách. Đến với lễ hội ruộng bậc thang Hồng Thái, ngoài được thưởng lãm vẻ đẹp của những dải sóng lúa óng vàng uốn lượn bên sườn non, du khách còn được tham gia và các hoạt động trải nghiệm thú vị và hấp dẫn như: Văn nghệ quần chúng, thi xe đạp tay ngang, thi hái lê, hái chè Shan...

Lễ hội ruộng bậc thang Hồng Thái là hoạt động ý nghĩa nhằm quảng bá hình ảnh về mảnh đất, con người vùng cao Hồng Thái đồng thời tạo ra một cú huych cho du lịch của huyện Na Hang phát triển, thu hút được nhiều du khách thập phương.

Bên cạnh việc bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, đồng bào dân tộc Tày ở Đông Đa 1 cũng hủy bỏ những hủ tục lạc hậu, tập trung vào phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống. Bên cạnh việc tuyên truyền, vận động người dân gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc, loại bỏ những hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa, xã Thượng Nông đã thành lập Câu lạc bộ hát Then, cọi của xã để gìn giữ làn điệu then, cọi truyền thống của đồng bào dân tộc Tày. Các làn điệu then, cọi, sli, lượn cùng với cây đàn tính là món ăn tinh thần không thể thiếu của người Tày. Trong đó, hát then - đàn tính được coi là linh hồn trong nghệ thuật dân ca dân vũ. Từ bao đời nay, người Tày coi đàn tính là một phương tiện giao tiếp mang đậm bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Người Dao có văn hóa truyền thống đặc sắc, phản ánh mọi mặt của đời sống, trong đó hát Páo dung và lễ cấp sắc là nét văn hóa đặc trưng. Nét độc đáo trong đời sống văn hóa tinh thần của người Cao Lan là hát sinh ca, trống tang sênh. Tất cả những nét văn hóa của các dân tộc đều bắt nguồn từ đời

sống lao động của người dân và hầu hết có mặt ở các lễ hội hay những sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống ấy, trong những năm qua, tỉnh Tuyên Quang thường xuyên chỉ đạo và tạo điều kiện cho các huyện, xã và các cá nhân tham gia giữ gìn văn hóa cổ truyền của dân tộc.

Năm 2012, Nghi lễ Then, Lễ hội Lồng tồng của người Tày tỉnh Tuyên Quang đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Năm 2013, hát Páo dung và Nghi lễ Cấp sắc của người Dao Tuyên Quang tiếp tục được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

2.2.2 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở hạ tầng của huyện Na Hang còn thấp kém. Trong những năm gần đây được sự đầu tư của nhà nước bằng các chương trình, dự án như chương trình 135, chương trình 134, nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung, Tuy vậy so với nhu cầu thực tế thì vẫn còn nhiều công trình hạ tầng cần được đầu tư để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương.

Theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Na Hang lần thứ XX nhiệm kỳ 2010 - 2015 xác định phát triển du lịch là một trong 4 khâu đột phá. Cùng với công tác tăng cường quảng bá tiềm năng, thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch, Na Hang chú trọng phát triển các cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống để thu hút khách du lịch.

Hiện nay trên địa bàn huyện hiện có 11 khách sạn, nhà nghỉ chủ yếu tập trung ở thị trấn Na Hang với 121 phòng, 227 giường nghỉ, có thể đón trên 400 người/ngày. Bên cạnh đó, huyện còn có 6 nhà hàng, đa số là nhà sàn truyền thống có không gian đẹp, phục vụ nhiều món ăn dân tộc như các nhà hàng Hà Thoi, Nga Viên, Thái Phiêng, Việt Cường... Trong đó nhà hàng Hà Thoi ở tổ 8 thị trấn Na Hang từ lâu đã tạo được uy tín trong lòng du khách. Đây là nét đặc trưng của các nhà hàng trên địa bàn huyện vùng cao này. Nhiều du khách cảm thấy hài

lòng bởi cách phục vụ chu đáo nhiều món ăn đậm nét vùng cao ngon bổ dưỡng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với giá cả hợp lý ở đây. Nhiều du khách tỏ ra thích thú khi được ở trong ngôi nhà sàn cột gỗ, lợp lá cọ truyền thống của đồng bào Tày nơi đây. Bà Triệu Thị Xướng, thôn Nà Tông, xã Thượng Lâm ngoài đón khách tại nhà, bà Xướng còn làm thêm 1 ngôi nhà nổi trên hồ, đóng thêm 4 thuyền tiện cho việc đưa đón khách tham quan. Hiện đã có 14 hộ gia đình đầu tư đóng thuyền, khai thác dịch vụ vận chuyển khách du lịch tham quan các danh lam thắng cảnh khu vực hồ sinh thái Na Hang. Công ty TNHH Thương Mại và Du lịch Nga Viên, tổ 3, thị trấn Na Hang đi đầu trong đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Anh Trần Quốc Viên, Giám đốc Công ty cho biết, nhận thấy tiềm năng của du lịch hồ sinh thái Na Hang, công ty đã đầu tư gần 20 tỷ đồng vào khu du lịch thác Mơ với diện tích trên 12 ha bao gồm bãi bơi, khu nhà nghỉ, khu dịch vụ ăn uống, khu phục vụ du khách dừng nghỉ chân. Ngoài ra, công ty còn đầu tư 4 thuyền du lịch phục vụ du khách tham quan các điểm du lịch trên hồ sinh thái Na Hang.

Vì đây là huyện vùng cao dân cư thưa thớt vì vậy mà việc tiếp cận cơ sở hạ tầng không dễ. Điện sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất của người dân còn gặp nhiều khó khăn một số xóm bản hiện chưa có mạng lưới điện quốc gia nhu cầu sử dụng rất lớn. Trên địa bàn huyện có khá nhiều hồ, đầm lớn nhỏ khác nhau, nguồn nước ngầm cũng tương đối phong phú, chất lượng nước phần lớn là nước ngọt, mềm, chưa bị ô nhiễm là nguồn cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên, do địa hình phức tạp, mực nước mặt hạ thấp vào mùa khô và hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu của huyện còn nhiều hạn chế nên tuy có nguồn nước khá phong phú nhưng vẫn dẫn đến tình trạng thiếu nước. Về y tế thì hệ thống y tế của huyện về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, toàn bộ 12/12 xã, thị trấn đã có trạm y tế. Toàn huyện có 142 giường bệnh với 136 cán bộ y tế. Các chương trình y tế quốc gia được thực hiện tốt, công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm ngay từ tuyến cơ sở. Nhìn chung công tác chăm sóc sức khỏe cho

người dân trên đại bàn huyện Na Hang là tốt, tuy nhiên bên cạnh đó ngành y tế còn gặp nhiều khó khăn nhất là tình trạng xuống cấp nghiêm trọng của một số trạm y tế xã. Trong những năm gần đây huyện đã quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng.

Huyện tiếp tục khuyến khích các nhà đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng, đa dạng sản phẩm du lịch, phối hợp với các đơn vị lữ hành nổi tua, tuyến du lịch của huyện với các tỉnh bạn. Đồng thời, huyện khuyến khích phát triển và quản lý tốt cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống hiện có, đáp ứng tốt nhu cầu về ăn, nghỉ cho du khách. Năm 2012, doanh thu xã hội từ du lịch của huyện đạt trên 6 tỷ đồng. Thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020, huyện đã và đang đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật như khu đón tiếp khách, trung tâm thông tin, bãi đỗ xe, cầu bộ hành qua suối, cùng với đó là phối hợp đầu tư nâng cấp tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, sửa chữa làm mới một số tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã; xây dựng bến thủy tạo điều kiện thuận lợi cho du khách đến thăm quan. Đến nay, gói thầu xây dựng các công trình phụ trợ cho Khu du lịch sinh thái cơ bản đang trong giai đoạn hoàn thiện, một số hạng mục công trình đang được đẩy nhanh tiến độ hoàn thành như: Cổng chào, cầu qua suối, cầu treo và trung tâm thông tin. Nhằm tận dụng các nguồn đầu tư từ Trung ương và tỉnh, UBND huyện Nà Hang đã phối hợp đầu tư nâng cấp tuyến Quốc lộ 279 nối từ huyện Nà Hang sang huyện Ba Bể của tỉnh Bắc Kạn, sửa chữa và làm mới một số tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã, xây dựng và cải tạo khu bến thủy tạo điều kiện thuận lợi cho du khách đến tham quan. Không chỉ tập trung chủ yếu vào Khu du lịch sinh thái, huyện Nà Hang còn chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch khác theo hướng đa dạng hóa. Nà Hang đã và đang tập trung làm tốt công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo vệ các di tích, danh lam thắng cảnh.

2.2.3 Nguồn nhân lực du lịch sinh thái

Trong hoạt động du lịch thì nguồn nhân lực đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của du lịch. Nguồn nhân lực du lịch hiện nay của Na

Hang bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý, hướng dẫn viên, những người dân địa phương tham gia hoạt động du lịch, những người trực tiếp tham gia phục vụ du lịch...

Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 13.000 lao động tham gia trong các hoạt động, dịch vụ du lịch. Trong đó, lượng lao động trực tiếp có trên 3.000 người. Với việc triển khai Đề án “Phát triển nguồn nhân lực du lịch”, hàng năm, tỉnh đã phối hợp Tổng cục Du lịch, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội tổ chức các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ. Huyện đang phấn đấu đến năm 2020 đón được 130 nghìn lượt khách du lịch, giải quyết việc làm cho 1.000 lao động tại địa phương.

Hiện toàn huyện chỉ có 3 cán bộ làm việc tại Phòng, chưa có cán bộ chuyên sâu về du lịch. Năm 2017, huyện đã mời giảng viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội lên tập huấn nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch cho 74 học viên.

Về cộng đồng dân cư địa phương hoạt động du lịch thì tại Na Hang phần lớn người dân tham gia ở độ tuổi 30-55 tuổi. Sự phân chia giới tính cũng thể hiện rõ ràng. Hầu hết lao động hoạt động tại Na Hang là nữ giới. Người dân tham gia làm du lịch phần đông là lao động phổ thông, trước đây làm nông nghiệp. Họ sống thưa thớt, những kỹ năng về nghề nghiệp và nhận thức về du lịch còn hạn chế, đặc biệt là ứng xử và phục vụ khách. Chính vì vậy mà chưa gây được ấn tượng mạnh mẽ đối với khách du lịch khi đến với Na Hang. Những người dân địa phương nơi đây cũng được tham gia các lớp tập huấn đơn giản về du lịch, bước đầu họ cũng được trang bị những kiến thức cơ bản về du lịch và ý thức bảo vệ môi trường, họ có trách nhiệm nhắc nhở khách không vứt rác bừa bãi và bảo vệ môi trường sinh thái.

Ngoài ra còn một bộ phận những người dân tham gia phục vụ ăn uống và bán đồ lưu niệm cho khách. Do đây là điểm du lịch mới được khai thác trong những năm gần đây người dân sinh sống phần lớn là lao động phổ thông, họ mới bước đầu tiếp xúc làm quen với du lịch nên dịch vụ phục vụ nhu cầu của khách còn ít, sản phẩm còn đơn điệu, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách.

Nhìn chung nguồn lao động tại Na Hang dồi dào nhưng còn rất hạn chế về mặt trình độ và nghiệp vụ du lịch, nguồn lực đang trở thành vấn đề bức xúc cần được giải quyết để du lịch phát triển tương xứng với tiềm năng của huyện . Hiện nay hoạt động du lịch vẫn chưa được phát triển số lượng khách du lịch đến Na Hang còn hạn chế và không ổn định, chủ yếu chỉ tập trung vào lễ hội .

2.2.4 Chính sách phát triển du lịch

Chính sách cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Để tạo điều kiện cho du khách tiếp cận những nét sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng, tiêu biểu của người dân nơi đây, cũng như để quảng bá hình ảnh về mảnh đất và con người Na Hang, huyện tập trung đầu tư xây dựng nâng cấp hoàn thiện hệ thống hạ tầng, huyện tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ chỉnh trang, xây dựng thị trấn Na Hang lên thị xã vào năm 2020, gắn với phát triển du lịch. Hiện nay thị trấn đạt khoảng 70% các tiêu chí đánh giá đạt chuẩn đô thị loại IV. Huyện đã hoàn thành việc xây dựng các tuyến đường nối liền những điểm du lịch trong và ngoài huyện như tuyến: Hồng Thái với Pắc Nặm (Bắc Kạn); tuyến đường vào Bản Bung, xã Thanh Tương; tuyến lên điểm du lịch Phiêng Bung, gắn với trồng các giống hoa như hoa ban, hoa đỗ quyên, hoa ngũ sắc, hoa đào tạo cảnh quan đẹp cho điểm du lịch... Không những thế Huyện phối hợp đầu tư nâng cấp tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, sửa chữa làm mới một số tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã; xây dựng bến thủy tạo điều kiện thuận lợi cho du khách đến thăm quan.

Chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái tại Na Hang

. Cùng với việc đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, huyện Na Hang cũng huy động nhân dân đóng góp trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng đặc dụng để phát huy giá trị khai thác phục vụ du lịch như: Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia khôi phục làng nghề truyền thống và các loại hình sinh hoạt văn hóa phi vật thể...

Hoàn thành hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể "Then Tày trình UNESCO công nhận di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Lập hồ sơ "Công viên địa chất quốc gia Na Hang - Lâm Bình" trình Thủ tướng Chính phủ công nhận.

Ban đang tích cực tham mưu ủy ban nhân dân tỉnh triển khai quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng trong du lịch như Khu lâm viên Phiêng Bung (có sân bay mini, trường đua ngựa, sân gôn, bãi cắm trại...); khu lâm thủy Cọc Vài (gồm khu biệt thự, đảo nuôi thú, khu thể thao mạo hiểm, khu câu cá, bến cảng); khu thể thao trên nước; khu làng văn hóa lịch sử. Đồng thời, tăng cường phối hợp với ủy ban nhân dân huyện Na Hang, Lâm Bình nhằm tiến tới xây dựng các làng văn hóa – du lịch trên địa bàn để giữ gìn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc, phát triển các sản phẩm văn hóa đặc sắc của địa phương,...

Hiện tỉnh Tuyên Quang và hai huyện Na Hang, Lâm Bình đang kêu gọi đầu tư để xây dựng Na Hang thành một trung tâm du lịch sinh thái hấp dẫn.

Chính sách xúc tiến quảng bá

Tăng cường công tác thông tin, quảng bá hình ảnh về miền đất, văn hóa, con người Na Hang và danh mục dự án du lịch kêu gọi đầu tư. Từng bước chuyên nghiệp hóa công tác xúc tiến quảng bá du lịch.

Xây dựng kế hoạch xúc tiến quảng bá du lịch giai đoạn 2016-2020.

Xuất bản tờ rơi, tập gấp, sách ảnh, cẩm nang; xây dựng video, ký sự, phim tài liệu quảng bá giới thiệu về du lịch Na Hang.

Duy trì và nâng cao hiệu quả quảng bá du lịch trên trang thông tin điện tử của tỉnh, của ngành, các khu, điểm du lịch,...

Tổ chức các sự kiện du lịch thường niên để thu hút, phục vụ khách du lịch: Lễ hội Lồng Tồng

Tham gia các sự kiện du lịch của các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế; trưng bày, tuyên truyền quảng bá, xúc tiến thương mại, giới thiệu văn hóa, du lịch của Na Hang.

Tăng cường, nâng cao số lượng, chất lượng các tin, bài, chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đẩy mạnh khai thác, phối hợp với các công ty lữ hành để quảng bá về du lịch Na Hang.

Xây dựng các tua, tuyến du lịch đảm bảo có sự kết nối đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả với các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh.

Chủ động đẩy mạnh liên kết và hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố, trong đó tập trung nâng cao hiệu quả Chương trình hợp tác phát triển du lịch "Qua những miền di sản Việt Bắc", kết nối du lịch với các tỉnh Tây Bắc, Chương trình kết nối hợp tác du lịch bốn tỉnh: Tuyên Quang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên; đa dạng hóa và phát triển thị trường nguồn khách cũng như thu hút đầu tư vào du lịch.

Chính sách hỗ trợ bảo tồn

Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xếp hạng Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình là danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt; đề nghị UNESCO đưa Khu di sản thiên nhiên Ba Bể - Na Hang vào danh mục xây dựng hồ sơ Di sản thế giới. Chú trọng bảo tồn những nét văn hóa truyền thống đặc sắc của các đồng bào dân tộc. Từ đó tạo thế mạnh phát triển du lịch, nâng cao đời sống cho đồng bào tại địa phương

2.3 Thực trạng phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang

2.3.1 Số lượng khách du lịch

Bảng 2.5 Số lượng khách qua từng năm

Năm	Số lượng khách (lượt)
2014	97.000
2015	125.000
2016	150.000

2017	200.000
------	---------

(Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang)

Nếu như từ năm 2011 đến hết năm 2013, Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Na Hang đã đón 155.650 lượt khách đến trong đó có 485 khách quốc tế. Thì riêng năm 2014 Na Hang đã đón được 97.000 lượt khách. Có thể thấy đơn vị đã thực hiện hiệu quả công tác quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn xã và một thị trấn của huyện Na Hang. Năm 2015 huyện đón 125.000 lượt khách, so với năm 2014 thì tăng 28.000 lượt khách đến. Năm 2016 Na Hang đón được 150.000 so với năm ngoái thì Số lượt khách tăng nhưng không đáng kể. Đến năm 2017 khách du lịch đến với Na Hang đạt 200.000 lượt khách tăng 1,3 lượt so với năm 2016. Đây là kết quả của những bước đi đúng đắn trong phát triển du lịch của huyện.. Từ đầu năm đến nay, huyện đã đón trên 72.000 lượt du khách đến tham quan, tìm hiểu Khách đến với Na Hang chủ yếu là khách nội địa, lượng khách Quốc tế đến đây qua từng năm không nhiều. Khách du lịch đến với Na Hang chủ yếu là tham quan nghỉ dưỡng, tìm hiểu, nghiên cứu,... Mặc dù số lượng khách đến với Na Hang qua từng năm tăng không đáng kể xong ta có thể thấy được Huyện đã rất nỗ lực trong công tác phát triển du lịch.

Theo các cơ quan chức năng với tiềm năng sẵn có, khu du lịch sinh thái Na Hang mỗi năm có thể đón tiếp trên 2 triệu khách du lịch tham quan, thu hút và tạo việc làm cho khoảng trên 2 nghìn lao động và du lịch sẽ trở thành một ngành quan trọng đóng góp vào nguồn thu ngân sách của địa phương. Tuy nhiên ở thời điểm hiện tại để điều đó trở thành hiện thực huyện Na Hang và khu du lịch sinh thái Na Hang còn rất nhiều việc phải làm.

Hiện nay hoạt động du lịch của Na Hang cũng mới chỉ bó gọn trong khu Thác Mơ với một lượng khách ít ỏi (6000 – 7000 lượt người/ năm, chủ yếu là dân trong tỉnh). Một khu vực khác có khả năng thu hút khách quốc tế là khu rừng đặc dụng Tắt Kẽ – Bản Bung. Tuy nhiên, khách nước ngoài muốn vào tham quan khu này phải có giấy phép của công an tỉnh và cơ quan kiểm lâm. “Thực tế cho thấy

rất ít khi được cho phép vì theo các cơ quan nói trên, chúng ta không kiểm soát được hành vi của du khách”.

2.3.2 Doanh thu từ hoạt động du lịch

Các doanh nghiệp du lịch lớn cũng chưa có sự đầu tư cụ thể vào Na Hang. Do vậy, hoạt động du lịch ở Na Hang còn rất hạn chế, thu nhập từ du lịch không tương xứng với tiềm năng của huyện.

Đến hết quý I/2014. Doanh thu xã hội đạt gần 600 triệu đồng

Doanh thu từ dịch vụ lưu trú và vận chuyển khách bằng đường thủy ước tính đạt 2,1 tỷ đồng qua tổng hợp năm 2015 .

Doanh thu xã hội đạt 37,74 tỷ đồng trong 6 tháng đầu 2016.

Năm 2017, Na Hang đón khách đến tham quan, du lịch, doanh thu từ hoạt động du lịch đạt 93 tỷ đồng vượt 39% so với kế hoạch.

Doanh thu dịch vụ vận chuyển khách du lịch tham quan các tuyến du lịch bằng đường thủy khu vực long hồ thủy điện đạt 2,5 tỷ đồng (2017) .

Theo Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Na Hang, doanh thu từ dịch vụ lưu trú và vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy từ đầu năm 2018 đến nay ước đạt 5 tỷ đồng.

Đây là nỗ lực của cả hệ thống chính trị và sự vào cuộc của người dân trong phát triển du lịch và coi du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

Phát triển du lịch sinh thái đã tạo cơ hội việc làm tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương. Giải quyết việc làm cho người lao động , cải thiện cơ sở hạ tầng nâng cao đời sống cho người dân. Du lịch sinh thái luôn hướng tới việc huy động tối đa của người dân địa phương như vai trò hướng dẫn viên, đáp ứng chỗ ngủ nghỉ cho khách và phương tiện di chuyển,.. vì vậy mà từ đó đã tạo công ăn việc làm.Giúp người dân ít phụ thuộc vào khai thác thiên nhiên đồng thời họ sẽ nhận thấy lợi ích của việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Từ đó làm giảm đi sức ép của cộng đồng địa phương đối với môi trường.

2.3.3 Các hoạt động du lịch sinh thái

Hoạt động du lịch tập trung vào một số điểm , tuyến điểm chính với hình thức đơn điệu nên kết hợp với một số loại hình du lịch khác để phong phú hơn. Na Hang là một khu du lịch chứa đựng nhiều giá trị về tự nhiên và nhân văn những giá trị văn hóa truyền thống , hiện nay Na Hang đang trở thành một điểm nhấn của du lịch Tuyên Quang.Trong tương lai Na Hang sẽ trở thành trọng tâm phát triển của du lịch Tuyên Quang. Với lợi thế là khu du lịch có cảnh quan tự nhiên đẹp, còn tương đối hoang sơ chưa có sự tác động thay đổi của con người đến cảnh quan và môi trường nên hiện nay. Với những chính sách quảng bá sâu rộng kết hợp với phong cảnh vừa thơ mộng vừa hùng vĩ nơi đây du lịch sinh thái Na Hang đã bước đầu tạo dựng được hình ảnh và thu hút một lượng khách kể từ khi đưa vào khai thác và hoạt động du lịch.

Dã ngoại: Na Hang, mảnh đất được coi là miền cô tịch với cảnh đẹp lung linh, huyền ảo, những huyền thoại về Nàng Tiên - Chú Khách... Một vẻ đẹp hoang sơ của hồ trên núi, một Na Hang - Hạ Long cạnh đang là điểm du lịch hấp dẫn nhất với du khách gần xa. Du khách sẽ được chiêm ngưỡng những cánh rừng nguyên sinh và thưởng thức vật phong phú ở đây và được thưởng thức các món ăn dân dã tại nơi này.

Tham quan nghiên cứu đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên: Na Hang còn có khu bảo tồn thiên nhiên Tát Kè - Bản Bung rộng trên 42 nghìn ha với những cây gỗ quý hàng trăm năm tuổi, những thảm thực vật đa dạng và phong phú về chủng loại, những nét văn hoá độc đáo của nhiều dân tộc trên địa bàn là những điểm lảng động không thể quên đối với mỗi du khách khi đã một lần đặt chân đến Na Hang.

Thăm quan bản làng các dân tộc trải nghiệm các giá trị văn hóa phong tục tập quán: Đến với Na Hang du khách sẽ được nghe những làn điệu then cọi, hát ru, hát páo dung, hát giao duyên ngọt ngào, đắm thắm mà da diết của đồng bào dân tộc Tày, Dao. Nghe tiếng kèn pí lè, kèn lá và điệu múa khèn của những chàng trai, cô gái dân tộc Mông. Con người và thiên nhiên hoà quyện đã tạo ra cho Na Hang một tiềm năng du lịch hấp dẫn. Về với Na Hang, một vùng đất nên thơ và

Sinh viên: Đào Thị Thuỳ Trang 51
Lớp: VH1802

huyền thoại, du khách còn được hoà vào không khí sôi động của hội đua mành góc trên hồ thủy điện Tuyên Quang, tham gia hội chợ và được chiêm ngưỡng hũ rượu ngô 2 nghìn 500 lít lớn nhất Việt Nam. Không những thế du khách còn được tham quan tìm hiểu những phong tục tập quán của người dân vẫn được duy trì như trang phục nhà cửa, phong tục cưới hỏi của đồng bào dân tộc Dao đỏ, các nghi lễ như lễ cấp sắc ở đây. Du khách sẽ được thưởng thức các món ăn phong phú của đồng bào dân tộc như: Cơm lam, thịt trâu khô, thịt lợn chua, xôi ngũ sắc, lẩu cá lăng,..và các hoạt động sản xuất của người dân.

Du thuyền: Du khách sẽ được du thuyền trong lòng hồ thủy điện Na Hang. Khi ngồi du thuyền tham quan lòng hồ thủy điện Na Hang, du khách sẽ được đưa đến các địa danh nổi tiếng trên hồ. Địa điểm đầu tiên là núi Pác Tạ, ngọn núi cao nhất trong 99 ngọn núi quanh hồ. Ngự trên đỉnh núi là hai ngôi đền Pác Tạ, Pác Vãng linh thiêng, được người dân nơi đây thờ kính.

Thuyền xuôi dòng đi tiếp, du khách sẽ được ngắm nhìn thác Mơ với 5 tầng cao đổ xuống. Theo người dân bản địa kể lại, ban đầu thác Mơ có tới 11 tầng, đổ từ tận trên đỉnh núi cao xuống, nhưng theo thời gian, dòng chảy của thác ngày càng bị thu hẹp. Trông từ xa, thác Mơ như một suối tóc mây màu trắng mềm mại của người con gái, buông hờ xuống mặt hồ phẳng lặng. Du khách có thể dừng chân nô đùa và tắm suối thác mát lạnh.

Nằm trong khuôn viên hồ là hai khu nuôi cá tầm quy mô lớn. Cá tầm được nuôi trong môi trường thích hợp, cho năng suất cao. Du khách có thể thưởng thức món cá tầm ngon nổi tiếng khi dùng bữa ở các nhà hàng ăn uống tại Na Hang. Khi du thuyền lướt chậm chậm men theo chiều dài đập thủy điện, du khách sẽ được tận mắt chiêm ngưỡng sự kỳ vĩ của cả công trình thủy điện Na Hang.

Mạo hiểm: Với những du khách ưa du lịch mạo hiểm sẽ không ngần ngại khi lên thuyền, cùng với các cô gái người Dao, Người Tày, người H'Mông đi ngược dòng sông để khám phá thiên nhiên đầy thơ mộng hay tìm hiểu về những câu

chuyện truyền thuyết, dân gian được lưu truyền từ ngàn xưa. Đến với Hồ trên núi, du khách có thể đi ngược dòng sông Gâm thám hiểm du lịch hồ trên núi, chiêm ngưỡng vẻ đẹp nên thơ của núi Pắc Tạ gắn với sự tích hoa Phặc Phiền. Ngắm nhìn cánh rừng nguyên sinh Tát Kê - Bản Bung hùng vĩ với những cây gỗ nghìn, cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi. Ngắm những giò hoa phong lan đủ màu sắc và chiêm ngưỡng núi Nàng Tiên - Chú Khách, cọc đá Vài Phạ soi mình xuống mặt hồ xanh biếc. Với những ai ưa du lịch mạo hiểm, hãy đến với huyện Na Hang để tham gia tua du lịch đường thủy Na Hang - Hà Giang - Bắc Kạn, và đi thăm các phiên chợ vùng cao, tham gia sinh hoạt văn hoá văn nghệ với đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Na Hang.

****Tour du lịch sinh thái***

Tour lòng hồ Na Hang- Đền Pác vãng

Lịch trình : Thị trấn Na Hang – Nhà máy thủy điện Tuyên Quang - Đền Pác tạ - Núi đôi - Đền Pác vãng

11h30 : Xe đưa đoàn đến thị trấn Na Hang, Hướng dẫn viên đón khách. Quý khách nghỉ ngơi thưởng thức bữa trưa tại nhà hàng tại thị trấn Na Hàng trước khi tham gia chương trình tham quan.

13h00 : Xe ô tô đưa quý khách đến bến thuyền du lịch của Ban quản lý Khu Du lịch sinh thái Na Hang đón quý khách xuống thuyền đi du lịch lòng hồ thủy điện Na Hang Tuyên Quang đây là nơi hội tụ của hai dòng sông trữ tình là sông Gâm và sông Năng, được bao bọc xung quanh bởi 99 ngọn núi nhấp nhô, trùng điệp. Trên thuyền đi tham quan lòng hồ Quý khách sẽ được ngắm núi Pác tạ, Vách đá Nàng tiên, Chú khách và đặc biệt là được ngắm núi đôi hấp dẫn. Trên tuyến du lịch Quý khách sẽ được ghé thăm hai ngôi đền Pác tạ và đền Pác Vãng linh thiêng, được người dân nơi đây thờ kính.

16h30 : Thuyền về đến bến Quý khách sẽ ghé thăm thác Pác Ban hay còn gọi là thác Mơ. Được đắm mình trong dòng thác mát lạnh, chụp những bức ảnh đẹp, đáng nhớ.

17h30 : Quý khách thưởng thức bữa tối tại nhà hàng Khu du lịch sinh thái Na Hang.

19h00 : Quý khách lên xe, tạm biệt khu du lịch sinh thái Na Hang.

Tour du lịch Na Hang 2 ngày 1 đêm - động Song Long

Lịch trình : Đền pác Tạ - Thác khuổi nhi - Cọc vại phạ - Thác Nậm me - Động Song Long (2 ngày 1 đêm)

NGÀY 01 :

12h00 : Xe đưa đoàn đến thị trấn Na Hang, hướng dẫn viên đón khách. Quý khách nhận phòng, nghỉ ngơi thưởng thức bữa trưa tại nhà hàng tại thị trấn Na Hang trước khi tham gia chương trình tham quan.

15h00 : Xe ô tô đưa quý khách tham quan Khu đón tiếp khách của Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Na Hang, Thăm thác Pác Ban hay còn gọi là Thác Mơ nơi đây quý khách có thể ngắm cảnh, chụp ảnh và tắm thác mát lạnh.

18h00 : Quý khách thưởng thức bữa tối tại nhà hàng Khu du lịch sinh thái Na Hang.

20h00 : Đốt lửa trại và giao lưu văn nghệ, thưởng thức chén rượu ngô Na Hang nổi tiếng nấu bằng men lá, nghe kể về những truyền thuyết của miền đất huyền thoại này như sự tích hoa Phặc Phiền, chuyện Đèo Nàng, sự tích 99 ngọn núi,...

NGÀY 02 :

06h15 : Quý khách có thể dậy sớm tận hưởng không khí trong lành nơi rừng núi đi tham dự phiên chợ vùng cao.

06h45 : Quý khách có thể tự đi ăn sáng hoặc yêu cầu Hướng dẫn viên chuẩn bị.

07h15 : Quý khách trả phòng khách sạn. Xe ô tô đưa quý khách đến bến thuyền du lịch của Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Na Hang để quý khách xuống thuyền đi du lịch lòng hồ thủy điện. Trên tuyến đi tham quan lòng hồ quý khách sẽ ngắm núi Pác Tạ, vách đá nàng tiên, Chú khách và đặc biệt là được

ngắm núi đôi hấp dẫn. Trên tuyến du lịch Quý khách sẽ được ghé thăm hai ngôi đền Pác tạ và đền Pác Vãng linh thiêng, đượợc người dân nơi đây thờ kính.

Trên tuyến du lịch lòng hồ quý khách sẽ được ghé thăm thác Khuổi Nhi, thác Nậm me đây là một trong những thác nước hùng vĩ và đẹp nhất tại Khu du lịch sinh thái Na Hang. Tại đây du khách có thể thả mình vào khu rừng nguyên sinh, tắm thác, chụp ảnh, câu cá, cho cá rửa chân (đây là hình thức mát xa chân thư giãn của người dân nơi đây), đặc biệt được tham quan khu nuôi cá Tầm một trong những loài cá nước lạnh nổi tiếng. Tại thác Khuổi Nhi có bể tắm tự nhiên nước trong xanh, mát lạnh hấp dẫn mọi du khách. Cũng tại nơi đây quý khách sẽ thưởng thức bữa trưa trên thuyền bằng những món ăn sông nuowocsnhuw cá nheo, cá trạch, cá bống, cá lăng, cá chiên, ba ba hoặc quý khách sẽ được thưởng thức bữa trưa do tự tay mình làm như nướng cá, gà, thịt lợn trên lửa tằm ướt hạt dổi rừng ...đó sẽ là kỷ niệm đáng nhớ của quý khách. Quý khách sẽ được ghé tham hang Phia vại (hang người việt cổ), được đi rừng tham quan động Song Long với những nhũ đá tuyệt đẹp.

17h00 : Thuyền sẽ đến bến (Quý khách có thể mua cho mình những món đặc sản nơi đây như : Rượu ngô men lá, thịt lợn chua, thịt trâu khô, bún khô dân tộc Tày, cá sông, mật ong rừng,..). Quý khách lên xe, tạm biệt khu sinh thái Na Hang.

2.3.4 Hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch :

Các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn nghèo nàn. Toàn huyện chỉ có 8 cơ sở lưu trú tập trung ở thị trấn Na Hang chỉ chứa được khoảng 300 khách/ngày. Đầu tư của Nhà nước hiện nay mới dành cho các ngành kinh tế chung, chưa có các công trình đầu tư nhiều vào cơ sở vật chất phục vụ du lịch. Để nâng cấp hệ thống hạ tầng, huyện tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ chỉnh trang, xây dựng thị trấn Na Hang lên thị xã vào năm 2020, gắn với phát

triển du lịch. Hiện nay thị trấn đạt khoảng 70% các tiêu chí đánh giá đạt chuẩn đô thị loại IV. Huyện đã hoàn thành việc xây dựng các tuyến đường nối liền những điểm du lịch trong và ngoài huyện như tuyến: Hồng Thái với Pắc Nặm (Bắc Kạn); tuyến đường vào Bản Bung, xã Thanh Tương; tuyến lên điểm du lịch Phiêng Bung, gắn với trồng các giống hoa như hoa ban, hoa đỗ quyên, hoa ngũ sắc, hoa đào tạo cảnh quan đẹp cho điểm du lịch...

Năm 2008, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện Nà Hang đã chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nâng cao chất lượng phục vụ, coi đây là một trong những tiêu chí quan trọng hàng đầu để phát triển dịch vụ du lịch một cách bền vững.

Một số nhà nghỉ khách sạn đã đầu tư cơ sở vật chất tương đối hoàn thiện như giường nghỉ, máy điều hoà, tivi (truyền hình kỹ thuật số). Các nhà nghỉ, khách sạn này cũng thường xuyên cử nhân viên tham gia các lớp tập huấn về nâng cao chất lượng dịch vụ, bồi dưỡng kiến thức du lịch do Ban quản lý du lịch sinh thái huyện tổ chức. Việc tham gia các buổi tập huấn không chỉ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, làm hài lòng du khách, mà qua đó rèn luyện thái độ phục vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp của nhân viên.

Bên cạnh hình thức lưu trú nhà nghỉ khách sạn ở Na Hang còn có hình thức lưu trú Homestay ở tại nhà dân.

Một số khách sạn nhà nghỉ ở Na Hang: Nhà nghỉ Hoan Nương, nhà nghỉ Hải Phong, nhà nghỉ Đồng Tô, nhà nghỉ Thác Mơ, nhà nghỉ Việt Cường, Nhà nghỉ Liên Khu,...

Một số nhà hàng ở Na Hang: Nhà hàng Việt Cường, nhà hàng Nga Viên, nhà hàng Xuân Đôn, nhà hàng Dũng Đạt,...

Điều đặc biệt ở các cơ sở lưu trú nhà hàng ở đây là có nhà sàn cột gỗ lợp lá cọ truyền thống có không gian đẹp, phục vụ nhiều món ăn dân tộc đặc sắc, hấp dẫn ngon bổ dưỡng đảm bảo an toàn vệ sinh với giá cả hợp lý.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ vui chơi giải trí ở đây không có vì đây là một huyện vùng cao đời sống còn khó khăn .

Hiện nay, số lượng tàu, thuyền đủ tiêu chuẩn phục vụ du lịch vùng hồ thủy điện tại Tuyên Quang là 74 chiếc, chủ yếu thuộc về các cơ sở kinh doanh các loại hình du lịch dịch vụ tư nhân. Việc bảo đảm an toàn cho du khách khi tham quan hồ luôn được các chủ tàu thuyền đặt lên hàng đầu. Tất cả những người lái thuyền đều đã được đào tạo, có bằng lái, có chứng chỉ tham gia các lớp tập huấn về an toàn giao thông đường thủy, đồng thời đã qua nhiều lớp tập huấn về những tình huống, xử trí nhanh đối với các trường hợp bất ngờ khi đang lưu thông...Lượng du khách có nhu cầu tham quan hồ thủy điện hiện nay tương đối lớn, nên những tàu thuyền này được sử dụng thường xuyên.

Cơ sở hạ tầng:

Cơ sở hạ tầng của huyện Na Hang còn thấp kém. Trong những năm gần đây được sự đầu tư của nhà nước bằng các chương trình, dự án như chương trình 135, chương trình 134, nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung, chương trình kiên cố hoá trường học nên bộ mặt cơ sở hạ tầng của huyện cũng đã có những phát triển mạnh mẽ. Tuy vậy so với nhu cầu thực tế thì vẫn còn nhiều công trình hạ tầng cần được đầu tư để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương.

Đường giao thông: Toàn huyện Na Hang có 563,7 km đường giao thông, trong đó đường tỉnh lộ có chiều dài 23,5 km; có 92,6 km đường giao thông liên huyện; có 427,4 km đường giao thông liên xã, đường nội thị 1,4 km.

Các tuyến giao thông liên xã, liên thôn xóm cơ bản vẫn là các tuyến đường mòn, việc đi lại gặp rất nhiều khó khăn nhất là vào mùa mưa.

Quốc lộ 2C từ xã Sơn Nam (Sơn Dương) đến thị trấn Na Hang (Na Hang) với chiều dài 201,24 km, từ điểm kết nối với Vĩnh Phúc, là một chặng liên tục dẫn tới các điểm du lịch nổi bật của tỉnh như Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Bình, khu hồ sinh thái Na Hang. Tại đây, quốc lộ 279 từ xã Đà Vị (Na Hang) đến xã Hồng Quang (Chiêm Hóa) chiều dài 96 km; quốc lộ 280 từ Thượng Giáp (Na Hang) tiếp giáp với xã Đường Âm,

Bắc Mê (Hà Giang) đã giúp gắn kết du lịch hồ sinh thái Na Hang với tỉnh bạn Hà Giang. Bởi trên thực tế, khi giao thông phát triển những năm gần đây là điều kiện tốt giúp huyện Na Hang khơi dậy tiềm năng phát triển của ngành kinh tế du lịch. Với diện tích hơn 8.000 ha, hồ sinh thái Na Hang kết nối các tuyến đường thủy từ thị trấn Na Hang với 8 xã khu C của huyện và các xã của huyện Lâm Bình; nối liền với khu danh thắng Quốc gia Ba Bể của tỉnh Bắc Kạn.

Hệ thống điện: Na Hang là huyện vùng cao, dân cư sống không tập trung vì vậy việc cung cấp điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Hiện nay trên địa bàn huyện có 52 trạm biến áp, 174,1 km đường điện 0,4 KV. Đang đầu tư xây dựng 2 trạm biến áp, 6km đường dây trung áp, 11km đường dây 0,4 KV. Hiện nay còn nhiều xóm bản chưa có điện lưới quốc gia. nhu cầu xây dựng lưới điện của các xã trên địa bàn huyện trong thời gian tới còn rất lớn: 35 trạm biến áp, đường dây trung áp 92,8 km, đường dây 0,4 KV là 196,2 km.

Hệ thống thủy lợi: Được sự hỗ trợ của nhà nước và sự đóng góp của nhân dân, huyện Na Hang đã đầu tư xây dựng một số công trình thủy lợi vừa và nhỏ nhằm phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt của người dân. Hiện có 6 hồ chứa, 33 đập tràn và 12 trạm bơm, có tổng số 93,5 km kênh mương dẫn nước, trong đó kênh xây kiên cố là 27,8 km, kênh đất là 65,7 km. Các công trình thủy lợi tập trung đa số ở các vùng trung tâm và một số xã phía nam của huyện. Lượng nước của 6 hồ chứa với các công trình thủy lợi được xây dựng gần đây đã hỗ trợ rất lớn cho việc sản xuất và sinh hoạt của người dân và du khách.

2.3.5 Thực trạng lao động và sử dụng lao động cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch sinh thái

Hiện nay, lượng lao động trực tiếp có trên 3.000 người. Với việc triển khai Đề án “Phát triển nguồn nhân lực du lịch”, hàng năm, tỉnh đã phối hợp Tổng cục Du lịch, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội tổ chức các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ.

Hiện tại huyện chỉ có 3 cán bộ làm việc tại Phòng, chưa có cán bộ chuyên sâu về du lịch. Năm 2017, huyện đã mời giảng viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội lên tập huấn nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch cho 74 học viên.

Cộng đồng địa phương hiện nay họ đã tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch như họ đã đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi cho khách, nhà nghỉ và nhà hàng phục vụ cho du lịch, sử dụng nhà của mình để làm du lịch làm nơi lưu trú cho khách, đảm nhận vai trò hướng dẫn viên cho khách tham quan.

Du lịch phát triển đã tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Tuy nhiên, Na Hang vẫn còn nhiều hạn chế vì đây là huyện vùng cao miền núi còn nhiều khó khăn. Lao động du lịch đôi khi sẽ yếu về kỹ năng giao tiếp, tinh thần, thái độ phục vụ. Lao động có trình độ ngoại ngữ để giao tiếp với khách du lịch nước ngoài còn ít. Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, đội ngũ lao động làm du lịch không ngừng phấn đấu học tập, kết hợp với tự học, tự đào tạo, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ. Trong đó, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý các khu, điểm du lịch. Đồng thời, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch, hướng dẫn kỹ năng làm du lịch cho người dân. Bên cạnh đó, định kỳ tổ chức thi tay nghề trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, hướng dẫn viên, thuyết minh...; có cơ chế, chính sách thu hút, tiếp nhận nguồn nhân lực ngoại tỉnh đã được đào tạo chuyên sâu về du lịch.

2.3.6 Thực trạng về công tác xúc tiến quảng bá ở huyện Na Hang

Những năm gần đây, hình ảnh du lịch Na Hang được quảng bá rất nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng. Huyện phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng chương trình quảng bá danh lam thắng cảnh và ẩm thực với thời lượng 30 phút về Khu du lịch sinh thái Na Hang phát trên kênh VTV2, VTV4; xây dựng nội dung chương trình “S Việt Nam - Hương vị cuộc sống” để quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, hình ảnh Khu du lịch sinh thái Na Hang phát sóng trên kênh VTV1. Huyện phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương hoàn

thiện hồ sơ, thủ tục trình UNESCO đưa hồ sơ Ba Bể - Na Hang vào danh mục hồ sơ di sản thế giới.

Huyện Na Hang hiện cũng có nhiều tổ chức, cá nhân quảng bá tiềm năng, thế mạnh của du lịch địa phương qua mạng xã hội. Chị Giàng Thị Sao, người đang khởi động mô hình start-up về thu hút khách du lịch từ mạng xã hội cho biết: Na Hang là địa phương có tiềm năng rất lớn về du lịch, như du lịch vùng hồ thủy điện Na Hang, du lịch sinh thái tại Hồng Thái... Nắm bắt lợi thế này, giữa năm 2017 chị tạo trang Fanpage NaHang Travel, trong đó cập nhật các hình ảnh, các điểm du lịch của huyện.

Các doanh nghiệp lữ hành hiện cũng đổi mới cách thức hoạt động, thu hút khách du lịch, như Công ty Du lịch Hương Việt Tuyên Quang. Nếu những năm trước hoạt động của công ty "đóng băng" trong mùa đông, do lượng khách ít, thì năm nay, đơn vị kết nối với một số công ty lữ hành nước ngoài, đón khách du lịch từ các nước xứ lạnh đến nghỉ dưỡng, tránh rét. Đây là nét mới mẻ trong hoạt động quảng bá, thu hút khách du lịch của đơn vị trong năm nay, và mô hình này sẽ tiếp tục thực hiện trong những năm tới, trong đó, doanh nghiệp sẽ xây dựng các tour tuyến trải nghiệm hợp lý, mới mẻ, với thời gian lưu trú kéo dài nhằm không ngừng nâng cao hình ảnh về Huyện. Trung tâm Xúc tiến đầu tư cũng xây dựng chương trình tri ân, khen thưởng kịp thời đối với các công ty lữ hành đưa nhiều đoàn khách đến với tỉnh.

2.4 Đánh giá những thuận lợi khó khăn khi phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang

2.4.1 Thuận lợi - tích cực

Na Hang được biết tới là nơi giàu tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. với cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn .

Na Hang còn biết đến bởi sức hút kỳ lạ của một vùng sinh thái và văn hóa phong phú đặc sắc. Thiên nhiên đã ban tặng cho Na Hang tài nguyên quý báu , đặc biệt là tài nguyên rừng .

Mảnh đất này chính là nơi hội tụ của hai con sông lớn: Sông Gâm và sông Năng với những dãy núi trùng điệp, hùng vĩ ; những hang động huyền ảo và đầy huyền thoại đã đi vào truyền thuyết và thơ ca.

Na Hang ngoài phong cảnh thiên nhiên sơn thủy hữu tình, vùng văn hóa đa dạng, còn hấp dẫn du khách bởi những món ăn mang đậm bản sắc dân tộc. Đặc biệt Na Hang có rượu ngô men lá ngon nổi tiếng.

Huyện đã nâng cấp cơ sở hạ tầng ,trước kia, đi từ thị xã Tuyên Quang lên Na Hang phải mất cả ngày đường nhưng bây giờ chỉ hơn hai giờ đi xe khách. Trong những năm gần đây Na Hang đã và đang trở thành một trung tâm buôn bán với nhiều hoạt động du lịch sinh thái nhộn nhịp. Lãnh đạo đảng bộ và chính quyền tỉnh và huyện đặt mục tiêu phấn đấu, đến năm 2020 Na Hang sẽ là một thị xã sầm uất và phát triển mọi mặt.

Các công trình phục vụ phát triển du lịch đã được đầu tư nâng cấp.

Vài năm gần đây, du lịch đóng góp vào kinh tế của huyện ngày càng tăng và chắc chắn những năm tới đây, du lịch sẽ có đóng góp xứng đáng cho việc phát triển kinh tế - xã hội của Na Hang. Tỉnh Tuyên Quang và huyện Na Hang đã có kế hoạch gìn giữ và bảo tồn những khu du lịch sinh thái, những khu rừng tự nhiên để tạo tiền đề cho sự phát triển du lịch của tỉnh nói chung và của huyện nói riêng.

Những năm gần đây, hình ảnh du lịch Na Hang được quảng bá rất nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng. Huyện phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng chương trình quảng bá danh lam thắng cảnh và ẩm thực với thời lượng 30 phút về Khu du lịch sinh thái Na Hang phát trên kênh VTV2, VTV4; xây dựng nội dung chương trình “S Việt Nam - Hương vị cuộc sống” để quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, hình ảnh Khu du lịch sinh thái Na Hang phát sóng trên kênh VTV1. Huyện phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình UNESCO đưa hồ sơ Ba Bể - Na Hang vào danh mục hồ sơ di sản thế giới.

2.4.2 Khó khăn- hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì du lịch Na Hang vẫn còn những tồn tại nhất định như: Sự liên kết giữa các địa phương làm du lịch còn hạn chế.

Sản phẩm dịch vụ du lịch chưa đa dạng, chất lượng chưa cao. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh du lịch quy mô vẫn còn nhỏ.

Hoạt động quảng bá, xúc tiến, tìm kiếm, khai thác thị trường còn thiếu đồng bộ và chưa chủ động...

Đến nay du lịch Na Hang mới chỉ đang dừng ở mức tiềm năng bởi sự đầu tư cho du lịch ở đây còn hạn chế. Khu du lịch sinh thái Na Hang với tổng diện tích quy hoạch trên 150 nghìn héc ta bao gồm 2 huyện Lâm Bình và Nà Hang trong đó chủ đạo là khu vực lòng hồ thủy điện nhưng đến nay cơ sở hạ tầng như chỗ lưu trú, vui chơi giải trí ở đây vẫn còn thiếu.

Các sản phẩm du lịch còn thiếu đa dạng và mới chỉ dừng lại ở du ngoạn lòng hồ bằng thuyền máy, tắm thác hay thăm quan đền chùa.

Tại các điểm du lịch còn thiếu các hướng dẫn viên chưa đáp ứng được nhu cầu của khách

Đây là những vấn đề mà cấp ủy, chính quyền huyện đang nhìn nhận và sẽ có hướng điều chỉnh phù hợp, đảm bảo cho du lịch Na Hang có sự phát triển bền vững.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 : Tác giả đã phân tích điều kiện và thực trạng phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang. Tác giả cũng đánh giá những tích cực hạn chế và những thuận lợi khó khăn trong phát triển du lịch sinh thái Na Hang. Đây là cơ sở là tiền đề quan trọng để em đưa ra những định hướng và giải pháp phát triển tốt hơn du lịch sinh thái Na Hang, Tuyên Quang tại chương 3.

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI NA HANG, TUYỀN QUANG

3.1 Định hướng phát triển du lịch sinh thái ở Na Hang

3.1.1. Mục tiêu định hướng

Tổ chức không gian du lịch để khai thác hợp lý nguồn tài nguyên nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng sẵn có của vùng, đồng thời tránh sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên đó. Tổ chức không gian hợp lý đem lại hiệu quả kinh tế cao, tối ưu, góp phần vào việc phát triển du lịch theo hướng du lịch bền vững, kết hợp với các ngành kinh tế của địa phương để tăng thu nhập, nâng cao đời sống kinh tế của người dân.

3.1.2. Cơ sở định hướng

Thông qua số lượng và tỷ lệ khách ngày càng gia tăng. Điều đó thể hiện sức hấp dẫn và thu hút sự quan tâm của khách du lịch khi đến với Na Hang. Vì vậy, muốn du lịch phát triển cần có định hướng đúng đắn, có tính khả thi. Khi đó mới có thể khai thác nguồn tài nguyên không bị lãng phí và tận dụng thế mạnh tự nhiên để tổ chức nhiều loại hình du lịch hấp dẫn đẩy mạnh hoạt động du lịch phát triển và nâng cao đời sống của người dân. Việc định hướng chiến lược phát triển

du lịch dựa vào nhu cầu của người dân ngày càng tăng. Trong tình hình nền kinh tế nước ta tương đối ổn định, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, mức thu nhập của người dân ngày càng cao và thời gian rỗi của họ cũng nhiều hơn vì vậy mà họ nghĩ đến việc đi du lịch ngày càng đông Na Hang là khu du lịch có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. Khả năng cung ứng cho hoạt động du lịch tại vùng này rất lớn cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn. Tuy nhiên, hiện tại những nguồn tài nguyên này vẫn chưa được khai thác đúng với giá trị vốn có của nó, các nguồn tài nguyên này vẫn đang ở dạng tiềm năng chưa được sử dụng. Ngày nay, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế có đóng góp lớn cho nền kinh tế quốc dân vì vậy có rất nhiều chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển ngành du lịch. Khu du lịch sinh thái Na Hang dựa vào chính sách phát triển du lịch của Ban quản lý cũng như sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương. Trong việc định hướng phát triển du lịch không thể bỏ qua việc dự báo nguồn khách đến với điểm du lịch vì khách du lịch là yếu tố duy trì và đảm bảo sự tồn tại của điểm du lịch. Trong việc nghiên cứu dự đoán số lượng khách đảm bảo và giúp cho hoạt động kinh doanh có thể đón trước được các sự kiện sẽ xảy ra, xây dựng chiến lược phát triển của các đơn vị kinh doanh và khu du lịch, làm cơ sở cho việc lập các kế hoạch đầu tư sửa chữa, quảng cáo... Một cách có cơ sở khoa học và có tính khả thi, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên việc nghiên cứu, dự đoán là một công tác phức tạp và khó khăn. Dự báo là việc nhìn vào tương lai xây dựng tuy nhiên việc dự đoán không thể chính xác một cách tuyệt đối, nó vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong thực tế, độ chính xác của các dự báo là không lớn. Dự đoán trong du lịch đòi hỏi phải thường xuyên cập nhật thông tin, nắm bắt thông tin một cách chính xác, mới nhất và chi tiết về các loại thị trường, đối tượng khách, nhu cầu của khách trong tương lai. Việc thu thập các thông tin đó gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt ở các điểm du lịch mới được hình thành và hoạt động trong những năm gần đây như Na Hang và độ chính xác không cao do kinh nghiệm quản lý, thu thập thông tin và do nhiều yếu tố khác chi phối tới. Việc thu

thập thông tin cần thiết cho việc tiến hành dự báo nguồn khách đến trong tương lai.

3.2 Giải pháp phát triển du lịch sinh thái Na Hang.

3.2.1 Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái

Mỗi một khu du lịch muốn khẳng định tên tuổi cũng như thương hiệu của mình ngoài mục tiêu chung là đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững cần tạo cho mình những sản phẩm độc đáo khác biệt để có thể vững chắc trên thị trường du lịch .

Du lịch cuối tuần: Tổ chức các tour du lịch cuối tuần cho thị trường khách ở các tỉnh lân cận . Tại khu du lịch nên xây dựng một số cơ sở lưu trú cho khách nghỉ cuối tuần như mô hình nhà sàn. Xây dựng bằng những vật liệu thiên nhiên như tre, nứa, mái lá, mái rạ.... Phía dưới nhà có thể thiết kế thành chỗ để xe cho khách. Như vậy khách vừa có điều kiện nghỉ cuối tuần tại nơi có phong cảnh đẹp, môi trường trong lành lại có cảm giác được hòa mình vào thiên nhiên.

Du lịch làng nghề: Không xa khu du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, ở xã Thượng Lâm (Na Hang) có 10 tổ dệt thổ cẩm của HTX Thượng Hà cũng là điểm đến của khách du lịch. Không những vậy còn có nghề trồng bông dệt vải truyền thống, mây tre đan. Bên cạnh việc tham quan có thể tổ chức cho du khách đến thăm các làng nghề truyền thống và họ có thể mua các sản phẩm đó làm quà lưu niệm hoặc làm đồ dùng trong nhà. Như vậy sẽ tạo sự thú vị cho chuyến du lịch của du khách. Kết hợp một số tuyến điểm du lịch để tạo sự hấp dẫn tạo sự đa dạng cho khách.

Để đáp ứng nhu cầu của du khách, ngoài các sản phẩm dịch vụ du lịch chủ chốt các dịch vụ bổ sung khác sẽ góp phần làm thỏa mãn nhu cầu của du khách. Nên có dịch vụ cho thuê phương tiện tham quan: Cho khách thuê xe đạp, để du khách có thể tự mình tham quan và đến những điểm cung cấp dịch vụ một cách thoải mái. Ngoài ra còn có thể cho khách thuê thuyền, áo phao an toàn cho khách để du khách vừa tham quan cảnh quan khu du lịch vừa có thể câu cá trên thuyền.

Bên cạnh đa dạng hóa sản phẩm du lịch cần phải nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch. Tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái, các loài động vật quý hiếm là thế mạnh của Na Hang, vì vậy khai thác du lịch phải tính đến bảo tồn giá trị ban đầu của tài nguyên, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng nhưng không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, không xây dựng bừa bãi thiếu quy hoạch làm ảnh hưởng đến môi trường. Thái độ phục vụ chuyên nghiệp, nhiệt tình có tính quyết định đối với việc khách có quay trở lại khu du lịch hay không vì vậy trước hết phải thường xuyên kiểm tra bồi dưỡng nghiệp vụ cho những người làm du lịch. Thái độ phục vụ phải nhiệt tình, chu đáo, hiếu khách làm cho khách luôn có cảm giác thoải mái khi đến khu du lịch. Dịch vụ ăn uống phải đảm bảo đa dạng về món ăn đặc trưng nhất cơm lam, thịt trâu khô, lẩu cá lăng. Các món ăn phải được chế biến đúng quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm. Cơ sở vật chất kỹ thuật cũng phải đảm bảo tính an toàn và có thể đáp ứng được nhu cầu của du khách như bến thuyền phải rộng, thuyền phải được thường xuyên kiểm tra để đảm bảo an toàn cho khách. Trên thuyền phải sạch sẽ. Quy định số khách tham quan trên một thuyền để tránh chìm thuyền gây nguy hiểm và thiệt hại cho khách.

Các mặt hàng lưu niệm cũng phải mang đậm nét đặc trưng của vùng, các sản phẩm phải do chính người dân địa phương sản xuất để du khách dễ dàng lựa chọn làm quà cho bạn bè, người thân. Giá cả cũng phải đảm bảo đúng với giá trị của sản phẩm, tránh tình trạng chèo kéo và chặt chém khách du lịch.

3.2.2 Đào tạo phát triển nguồn nhân lực và thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sinh thái

Hoạt động du lịch sinh thái còn là một lĩnh vực khá mới mẻ đối với du lịch Việt Nam nói chung và du lịch sinh thái Na Hang nói chung. Chính vì vậy mà đội ngũ các nhà quản lý kinh doanh và lực lượng lao động trực tiếp của khu du lịch Na Hang còn thiếu kinh nghiệm cả về lý luận lẫn thực tiễn, và chưa thực sự tương xứng với yêu cầu cơ bản của du lịch sinh thái. Vì vậy việc đào tạo đội ngũ lao động một cách có hệ thống trong lĩnh vực này là một hoạt động hết sức quan

trọng. Nhân tố con người là vấn đề then chốt quyết định sự thành công hay thất bại của hoạt động du lịch. Bởi vậy, phải có nguồn lao động có chất lượng mới có thể tạo ra những sản phẩm hàng hóa có chất lượng. Chất lượng nguồn nhân lực bị ảnh hưởng rất lớn bởi việc tuyển dụng và sử dụng lao động đúng nguyên tắc, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và môi trường làm việc. Phải thường xuyên tiến hành kiểm tra, đánh giá, phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn bộ cán bộ nhân viên làm trong ngành du lịch của địa phương. Ngoài ra, cần có những chương trình đào tạo các hướng dẫn viên du lịch sinh thái. Cần chú ý tới việc đào tạo người dân địa phương có năng lực để họ trở thành những hướng dẫn viên phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái ngay trên địa phương của mình. Đào tạo hướng dẫn viên là người dân địa phương thì cần đào tạo cho họ kỹ cơ bản về nghiệp vụ du lịch với những kiến thức đơn giản nhất để họ có thể tiếp thu và ứng dụng vào công việc đào tạo cho họ trở thành những người có thể làm du lịch thông qua sự hiểu biết sâu sắc về nơi họ đang sinh sống. Đối với họ không đặt ra những yêu cầu quá cao như những người được đào tạo chuyên nghiệp từ trường lớp đào tạo du lịch. Họ chỉ thể hiện vai trò của mình như những người chủ nhà đón tiếp khách, làm cho du khách hiểu rõ hơn về nét độc đáo về cảnh quan và những nét văn hóa bản địa, giúp du khách cảm thấy thân quen và gần gũi qua sự hiếu khách của cộng đồng địa phương. Cộng đồng địa phương khi tham gia vào làm du lịch thì hầu như họ chưa có những phương tiện để làm việc vì vậy để thu hút người dân vào làm du lịch thì cần có sự hỗ trợ về phương tiện làm việc hỗ trợ cho người dân một nửa tiền mua thuyền kinh doanh của doanh nghiệp. Hỗ trợ kinh phí để người dân có vốn mở những quầy hàng lưu niệm phục vụ khách du lịch hay những dịch vụ khác trong khu du lịch. Đối với những người chèo thuyền đưa khách tham quan khu du lịch thì doanh nghiệp cũng phải tính toán mức lương thỏa đáng cho họ để họ chuyên tâm vào làm du lịch, không phải tìm việc làm thêm ngoài ca chờ khách, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của người dân bản địa. Đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu về cơ sở hạ tầng tại cộng đồng dân cư. Miễn thuế kinh doanh một số năm đầu cho những hộ gia đình kinh doanh các

dịch vụ phục vụ khách du lịch. Hỗ trợ cho người dân vốn ưu đãi để họ cải thiện cuộc sống, có điều kiện làm tốt công tác vệ sinh nơi ở. Ngoài ra cần khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ trẻ được đào tạo một cách cơ bản về hoạt động du lịch sinh thái. Cùng với đó cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ đảng viên và nhân dân địa phương về phát triển kinh doanh du lịch. Từ đó tích cực chủ động tham gia vào các hoạt động du lịch theo hướng xã hội hóa các hoạt động du lịch. Khu du lịch Na Hang có rất nhiều tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái xong nguồn nhân lực tại đây còn quá ít đồng thời chất lượng của nguồn nhân lực còn hạn chế dẫn đến các sản phẩm du lịch chưa có chất lượng cao, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách. Từ đó đặt ra yêu cầu đòi hỏi ban quản lý phải tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ để chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện và nâng cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của du khách.

3.2.3 Xây dựng và nâng cao cơ sở hạ tầng- cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch

Như chúng ta thường thấy các khu vực có tiềm năng du lịch thường nằm ở những vùng sâu, vùng xa, nên hiện nay điều kiện tiếp cận còn gặp nhiều khó khăn. Ảnh hưởng tới hiệu quả khai thác tiềm năng để phục vụ cho việc phát triển du lịch sinh thái. Vì vậy, việc bổ sung, xây dựng, hoàn thiện và nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng du lịch đến những khu vực không chỉ có ý nghĩa kinh tế - xã hội mà còn có ý nghĩa đặc biệt: Đảm bảo cho sự phát triển bền vững của du lịch sinh thái. Kết hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền và người dân địa phương đầu tư bổ sung, xây dựng, hoàn thiện và nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng du lịch như: Đầu tư xây dựng trạm biến áp , kéo điện về một số bản làng và xử lý tiêu thoát nước ngập úng ở một số nơi; xây dựng nâng cấp công trình thủy lợi Na Hang, cần triển khai nhanh để phục vụ cho hoạt động du lịch được ổn định đồng thời đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Tăng cường hệ thống điện, thông tin liên lạc... tại các điểm của khu du lịch. Nâng cấp, cải tạo 92,6 km đường giao thông liên huyện và đầu tư xây dựng giao thông liên xã liên thôn để phục vụ

tốt hơn cho hoạt động du lịch và sinh hoạt của người dân. Xây mới các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch như các cơ sở lưu trú, các bến thuyền, bãi đậu xe, phục vụ cho việc quan sát tìm hiểu thiên nhiên và hoạt động câu cá của du khách. Tăng cường xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí về thể thao, chữa bệnh, giao lưu văn nghệ, phục vụ cho du khách. Ngoài ra cũng cần chú trọng đến việc tổ chức thêm các cơ sở dịch vụ lưu trú tại các điểm tham quan phục vụ nhu cầu tiêu dùng của khách. Cơ sở vật chất kỹ thuật thì nên cải thiện vì du lịch sinh thái có môi trường trong lành, cảnh quan còn nguyên sơ nên khi xây dựng hệ thống nhà hàng khách sạn có thể thiết kế theo một kiến trúc riêng biệt hòa hợp với thiên nhiên, đảm bảo một không gian thoáng rộng, tiện nghi. Trong khách sạn nhà nghỉ, nhà hàng có thể sử dụng những mặt hàng thủ công truyền thống của địa phương hay các sản phẩm từ làng nghề tạo cho khách sự thân thiện, ấm cúng, giúp du khách khi lưu trú lại cảm thấy thoải mái và ấn tượng, tạo ra sự khác biệt với các khu, điểm du lịch khác. Các nhà hàng, quán ăn xây dựng thành một khu phục vụ các món ăn cho khách từ các món ăn bình dân đến những món đặc sản mang nét đặc trưng của vùng. Khi chế biến món ăn phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đảm bảo an toàn cho khách.

3.2.4 Tăng cường giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho khách du lịch, cộng đồng địa phương và những người làm du lịch

Môi trường nói chung và môi trường du lịch nói riêng đang đặt ra cho mỗi quốc gia những thách thức, yêu cầu phải có chiến lược phù hợp để giải quyết những hạn chế đó. Việc duy trì và bảo vệ môi trường được coi là điều kiện đầu tiên để từ đó tạo ra ấn tượng thu hút du khách. Du lịch sinh thái được biết đến là loại hình “Du lịch có trách nhiệm với môi trường” (Responsible Tourism). Chính vì vậy mà công tác quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho việc phát triển du lịch sinh thái là vấn đề rất quan trọng. Do đó cần đề ra một cơ chế giám sát và quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên nhằm hạn chế các tác động xấu đối với môi trường. Việc giáo dục môi trường được xem là công tác trọng tâm không thể thiếu của du lịch sinh thái. Công tác này không chỉ dừng lại ở du khách mà còn

phải tiến hành cho các nhà lập chính sách, nhà quản lý, các đơn vị kinh doanh du lịch. Đối với các nhà lập chính sách, các nhà quản lý tại các điểm tài nguyên, khu bảo tồn: Việc giáo dục môi trường cho đối tượng này không chỉ chú trọng đến lợi ích bảo tồn mà cũng cần nhấn mạnh đến tiềm lực kinh tế mà du lịch sinh thái có thể mang lại cho khu bảo tồn. Hình thức triển khai đối với đối tượng này chủ yếu là việc triển khai các văn bản hướng dẫn, các nghiên cứu ứng dụng và tập huấn ngắn hạn. Với khách du lịch: Đây là đối tượng giáo dục hiển nhiên. Làm sao để tạo cảm giác cho du khách mà mình đã góp phần vào việc bảo tồn thiên nhiên. Hình thức triển khai là thông qua việc diễn giải môi trường của các hướng dẫn viên du lịch tại các điểm tham quan, các ấn phẩm phát cho khách như tập gấp, tập sách hướng dẫn nhỏ... Hiện nay việc thiết kế các buổi chiếu phim ngắn trước khi khách tham quan từng điểm du lịch sinh thái là rất cần thiết và đạt hiệu quả cao. Với các đơn vị, đối tượng kinh doanh: Cần phải cho họ thấy lợi ích của việc bảo tồn gắn với quyền lợi của doanh nghiệp. Ngành du lịch có nhiệm vụ tuyên truyền về các hoạt động mang tính bền vững cho hệ sinh thái và các cán bộ quản lý cần phát huy tối đa lượng du khách nhận được thông điệp này

3.2.5 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá

Du lịch sinh thái đang được xem là hướng đi chính tại Na Hang , vì vậy cần có những chiến lược đẩy mạnh công tác quảng bá. Do đó việc tuyên truyền du lịch ở Na Hang là rất cần thiết, đặc biệt trong điều kiện du lịch sinh thái mới chỉ ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển. Chiến lược tiếp thị về du lịch sinh thái phải làm cho du khách nhận thức đầy đủ các thông tin về du lịch sinh thái Na Hang, nhận thức được những tác động của du lịch đối với môi trường du lịch tự nhiên và văn hóa... Du lịch muốn phát triển nhanh và mạnh phải không ngừng nắm bắt được nhu cầu, thị hiếu của xã hội trong việc tiêu dùng các sản phẩm du lịch. Vì vậy cần khai thác có hiệu quả tiềm năng của mọi tầng lớp trong xã hội tham gia vào công tác tuyên truyền, quảng bá , xúc tiến du lịch. Nói cách khác là đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động quảng cáo, xúc tiến và marketing du

lịch. Nếu làm tốt công tác này sẽ góp phần thực hiện thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung và du lịch nói riêng.

Để góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển của du lịch sinh thái ở Na Hang, tạo được một hình ảnh hấp dẫn trong lòng du khách, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và duy trì tốc độ phát triển tốt thì công tác tuyên truyền, quảng cáo là một nhiệm vụ tất yếu và cần thiết. Đây thực sự trở thành một nội dung hoạt động quan trọng trong quá trình phát triển du lịch. Chính vì lẽ đó, với xu thế phát triển du lịch như hiện nay, ban quản lý khu du lịch Na Hang phải có một chiến lược xúc tiến, quảng bá hình ảnh của mình để thu hút được nhiều du khách nhất là khách du lịch nước ngoài đến với Na Hang.

Công tác tuyên truyền, quảng bá sản phẩm du lịch phải đạt được mục đích là đưa hình ảnh về cảnh quan thiên nhiên, khí hậu, môi trường trong lành đến với du khách trong và ngoài nước để họ biết và đến với nơi đây. Ngoài ra, cần phải tập trung quảng bá sản phẩm du lịch tại các điểm đến nhằm mục đích quảng bá được sâu rộng hơn về hình ảnh của khu du lịch. Kinh nghiệm từ các quốc gia cho thấy cần đa dạng hóa hình thức quảng cáo, chú trọng hình thức quảng cáo truyền miệng và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chú trọng đối tượng quảng cáo, đảm bảo các thông tin phong phú, hấp dẫn, đặc sắc và có thể tạo ra các chiến dịch quảng cáo. Các kênh thông tin chủ yếu như: Qua hệ thống thông tin điện tử; các hình thức thông tin khác như ấn phẩm, tờ rơi, tập gấp để phát miễn phí cho du khách; tiếp tục củng cố hệ thống thông tin mang tính chuyên nghiệp hơn qua các ấn phẩm đĩa CD, VCD, DVD, sách báo, pano...nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, khai thác thông tin đa dạng của du khách.

3.2.6. Mở rộng thị trường, liên kết với các tỉnh lân cận và với công ty lữ hành

Thị trường khách du lịch là một yếu tố vô cùng quan trọng tác động trực tiếp đến hoạt động của khu du lịch. Vì vậy, các cơ quan chức năng hoạt động trong lĩnh vực du lịch cần phải tiến hành nghiên cứu thị trường để xác định rõ yếu tố cầu đối với loại hình du lịch sinh thái. Nếu vấn đề này được giải quyết tốt sẽ tạo

cơ sở vững chắc cho các kế hoạch phát triển loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, Theo các nguyên tắc phát triển bền vững, đạt hiệu quả kinh tế lẫn hiệu quả xã hội. Có những đầu tư thỏa đáng cho việc xúc tiến các hoạt động quảng bá du lịch sinh thái, góp phần tạo thị trường hấp dẫn cho loại hình du lịch này, làm cho nhiều người biết đến Na Hang hơn. Mở rộng thị trường là một biện pháp tối ưu trong kinh doanh, nhất là trong kinh doanh du lịch. Muốn mở rộng được thị trường khách thì công việc cần thiết là tìm hiểu thị trường, thị hiếu nhu cầu của khách du lịch giúp cho nhà quản lý đưa ra được định hướng và chiến lược trong việc tổ chức các loại hình du lịch phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của khách, đồng thời có thể tổ chức được nhiều loại hình du lịch, tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng có sức hấp dẫn đối với thị trường khách tiềm năng được nghiên cứu và phân tích trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển du lịch.

Liên kết với các tỉnh lân cận và với các công ty lữ hành để sản phẩm du lịch đa dạng hơn tránh nhàm chán tăng hiệu quả kinh tế.

3.2.7 Giải pháp về quy hoạch thu hút đầu tư

Sự không bền vững của du lịch sinh thái phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng trong đó có nguyên nhân quan trọng là do thiếu quy hoạch và sự phản đối du lịch sinh thái của cộng đồng địa phương bởi chính họ không được tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái và không được hưởng lợi ích đáng kể từ du lịch sinh thái. Cho đến nay ở góc độ nào đó quy hoạch được xem là một giải pháp quan trọng để đảm bảo phát triển du lịch bền vững. Thực tế cho thấy ở các khu vực nào được quy hoạch, hoạt động du lịch không chỉ đem lại hiệu quả kinh tế cao mà còn tạo được sự hài hòa, không phá vỡ cảnh quan tự nhiên, hạn chế được các tác động môi trường thông qua các giải pháp về quản lý trong đó có quản lý “sức chứa”. Căn cứ vào những đánh giá có tính tổng quát của những nghiên cứu về du lịch sinh thái, cần tập trung xúc tiến việc quy hoạch chi tiết để phát triển các khu du lịch sinh thái, làm cơ sở cho các dự án, đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững ở khu vực tổ chức các loại hình du lịch. Trong quá trình quy hoạch chi tiết, lập dự án khả thi, phải có sự hợp tác giữa các chuyên gia ở những lĩnh vực có liên quan

đến hoạt động du lịch, với chính quyền và cộng đồng địa phương. Quy hoạch các khu vực để đảm bảo cho việc khai thác nguồn tài nguyên hợp lý, không làm ảnh hưởng tới môi trường sinh thái, không phá vỡ hệ cân bằng sinh thái. Việc phân khu du lịch sinh thái cần được tiến hành theo quy định thống nhất và được pháp luật hóa để mọi người thực hiện, được chính phủ xác định và quản lý. Hoạt động quy hoạch cần phát triển theo hướng cộng đồng. Mỗi điểm du lịch sinh thái khi quy hoạch và thiết kế xây dựng phải được điều tra khảo sát, thẩm định một cách chặt chẽ, phải có tổ chức quản lý được đào tạo chu đáo thì mới được đưa vào hoạt động kinh doanh.

Để hoạt động du lịch ngày càng phát triển, việc tăng cường đầu tư, hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế là cần thiết. Việc tăng cường sự hợp tác với các tổ chức nhằm nghiên cứu, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm trong việc quy hoạch, quản lý và vận hành du lịch một cách có hiệu quả. Tranh thủ các dự án đầu tư như dự án về giáo dục môi trường kết hợp đào tạo nhân viên có trình độ hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ, môi trường...Kêu gọi sự hỗ trợ đầu tư của các cấp các ngành, các tổ chức có liên quan từ địa phương đến cộng đồng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch.

3.2.8. Tổ chức quản lý các hoạt động

Về cơ chế chính sách

Trước hết cần ban hành những cơ chế, chính sách để đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên ngành về phương thức quản lý, các phương pháp nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, phát huy tính chủ động, sáng tạo để có thể đề xuất và có thể giải quyết được những vấn đề có tính chiến lược. Khuyến khích hơn nữa các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các khu vui chơi giải trí, thể thao, nghỉ dưỡng và dịch vụ cao cấp. Đặc biệt cần có chính sách để ưu tiên các dự án có quy mô lớn, kinh doanh các sản phẩm cao cấp, các loại hình du lịch mới hấp dẫn.

Tổ chức và quản lý lượng khách dựa trên cơ sở sức chứa của khu du lịch

Việc tổ chức hoạt động tham quan của các tuyến, điểm du lịch trong các vùng cần phải cân nhắc kỹ các đặc trưng, sức chứa của từng điểm du lịch, đồng thời việc tiếp đón khách tới khu du lịch phải đảm bảo các yêu cầu bảo tồn của vùng để chắc chắn mối quan hệ giữa du lịch và môi trường không bị mâu thuẫn và hoạt động du lịch không tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái. Để quản lý tốt lượng khách đến điểm du lịch các cơ quan chức năng cần phải tính được sức chứa của điểm du lịch từ đó có được định hướng trong việc đón lượng khách tới, tránh tình trạng khách tập trung quá đông vào một thời điểm gây ra sức ép cho khách du lịch.

Quản lý lượng khách dựa vào các thủ tục hành chính, các nội quy

Hiện nay loại hình du lịch tìm đến với thiên nhiên đang trở thành loại hình du lịch được nhiều người ưa chuộng. Loại hình du lịch sinh thái là một trong những loại hình lôi cuốn được nhiều đối tượng tham gia. Với sự phát triển ngày càng nhanh chóng của thị trường du lịch, nhất là thị trường du lịch tìm đến với những khu vực tự nhiên hấp dẫn như khu du lịch Na Hang. Khác với những loại hình du lịch khác, loại hình du lịch sinh thái Na Hang dựa trên nguyên tắc phát triển bền vững không thể phát triển ồ ạt, hoặc đáp ứng nhu cầu của khách với số lượng lớn trong cùng một lúc như vậy có thể phá vỡ hệ cân bằng sinh thái của môi trường tự nhiên, điều đó cũng làm cho việc sử dụng nguồn tài nguyên tự nhiên không được lâu dài dẫn đến việc làm cho môi trường tự nhiên dễ bị suy thoái. Vì vậy, cần có các biện pháp điều chỉnh lượng khách trên cơ sở các nguyên tắc phát triển bền vững một cách nghiêm ngặt. Ở khu du lịch sinh thái Na Hang tất cả các hoạt động du lịch đều do ban quản lý trực tiếp giám sát và điều hành. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc điều chỉnh lượng khách đến tham quan bằng việc ban hành và thực thi các thủ tục đăng ký tham quan, số lượng khách tham gia, thời gian lưu lại tham quan... Ban hành các nội quy liên quan đến việc phát triển du lịch trong phạm vi khu du lịch sinh thái Na Hang như thời gian tham quan các buổi trong ngày, không được xả rác bừa bãi..., bên cạnh việc đưa ra nội quy nhằm quản lý chất lượng khách cần phải có biện pháp thực thi hiệu quả những nội quy này, kể

cả những biện pháp hành chính, biện pháp đánh vào kinh tế như việc phạt tiền nếu như khách vi phạm nội quy.

Quản lý bằng việc điều tiết mức thu lệ phí

Khuyến khích khách du lịch tham quan vào những thời điểm khác nhau, tránh lượng khách tập trung quá lớn vào những ngày lễ, ngày nghỉ, ngày cuối tuần. Áp dụng những mức thu khác nhau cho biểu giá thu phí du lịch. Các lệ phí đó bao gồm vé tham quan, dịch vụ hướng dẫn, giá thuê phòng nghỉ, phí gửi xe... Vào các ngày đông khách mức thu phí đối với các ngày này tăng lên, thực hiện chính sách giảm giá vào những ngày vắng khách. Đây cũng có thể coi là biện pháp có tính khả thi trong việc quản lý lượng khách. Như vậy để hạn chế được tác động tiêu cực của khách du lịch tới môi trường tự nhiên, không phá vỡ hệ cân bằng sinh thái, khu du lịch phát triển theo nguyên tắc bền vững. Để làm được các việc đó một cách hiệu quả các cơ quan chức năng có thẩm quyền cũng như ban quản lý khu du lịch sinh thái Na Hang phải đưa ra các biện pháp về quản lý một cách tối ưu nhất và phải thực hiện giải pháp đó một cách nghiêm chỉnh nhất

Tiểu kết chương 3

Qua phần trình bày ở chương 3 tác giả đã rút ra được :Để đẩy mạnh hoạt động du lịch, đặc biệt là hoạt động du lịch sinh thái tại Na Hang trong thời gian tới chúng ta cần áp dụng hệ thống các giải pháp: Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực và thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sinh thái; Xây dựng và nâng cao cơ sở hạ tầng- cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch; Tăng cường giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho khách du lịch, cộng đồng địa phương và những người làm du lịch; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá ; Mở rộng thị trường, liên kết với các tỉnh lân cận và với công ty lữ hành; Giải pháp về quy hoạch thu hút đầu tư; Tổ chức quản lý các hoạt động ; Các giải pháp này được xuất phát từ thực trạng hoạt động du lịch tại khu du lịch cả về những mặt tích cực và tiêu cực. Việc áp dụng đồng bộ các giải pháp này có khả năng sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy hoạt động du lịch tại Na Hang phát triển.

KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành nghiên cứu đề tài khóa luận em đã rút ra một số kết luận như sau:

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa gắn với giáo dục môi trường và bảo tồn các giá trị tự nhiên và nhân văn, đóng góp cho việc phát triển bền vững và có sự tham gia của cộng đồng địa phương. Để du lịch sinh thái phát triển tốt cần có những giải pháp tích cực cụ thể đưa du lịch phát triển tương xứng với tiềm năng của khu.

Du lịch sinh thái phải hoạt động tuân theo nguyên tắc cơ bản:

Giáo dục và nâng cao hiểu biết về môi trường tự nhiên, qua đó tạo ý thức tham gia vào các nỗ lực bảo tồn

Bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái

Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Tạo thêm việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

Để DLST phát huy tối ưu hiệu quả về kinh tế và bảo tồn cần thực hiện đúng các nguyên tắc đã được các nhà nghiên cứu đã đưa ra.

Na Hang từ lâu đã có lợi thế về môi trường tự nhiên còn tương đối trong lành chưa bị ô nhiễm, cảnh quan tự nhiên hoang sơ, khí hậu không khắc nghiệt nên rất thuận lợi cho hoạt động du lịch nơi đây. Tài nguyên du lịch sinh thái ở Na Hang khá phong phú và đa dạng, có thể kết hợp được nhiều loại hình du lịch trong một chuyến đi tạo nên sản phẩm du lịch phong phú, đáp ứng được yêu cầu của một trung tâm du lịch trong tương lai gần. Hiện nay trong quá trình khai thác Na Hang cũng đã rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn các giá trị tự nhiên cũng như nhân văn và cũng đã đạt được một số kết quả đáng kể. Mặc dù đã được khai thác từ lâu xong cũng không bị ảnh hưởng bởi tác động tiêu cực của hoạt động du lịch, ban quản lý khu du lịch sinh thái Na Hang cũng như những người tham gia làm du lịch vẫn đang cố gắng cho nỗ lực bảo tồn, giữ vững môi trường sinh thái, đảm bảo những yêu cầu của phát triển bền vững. Tuy nhiên cho đến nay cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng vẫn đang trong quá trình nâng cấp

và xây dựng nên chỉ đáp ứng được nhu cầu tham quan của du khách chứ chưa đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí của du khách. Chính vì thế mà Na Hang vẫn chưa thu hút được du khách ở lại dài ngày. Cộng đồng dân cư địa phương tham gia hoạt động du lịch cũng chưa có nhiều kinh nghiệm kỹ năng làm du lịch nên chưa đạt được hiệu quả cao trong du lịch. Bài khóa luận đã phân tích và đánh giá được những giá trị nổi bật của du lịch sinh thái Na Hang. Nơi đây ẩn chứa rất nhiều tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái. Nếu được khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả thì nơi đây sẽ có những bước phát triển mới. Việc nghiên cứu để phát triển du lịch sinh thái cho ta thấy được những mặt còn hạn chế do nhiều yếu tố. Điều cần thiết và quan trọng là từ các cấp chính quyền có liên quan đến người dân địa phương cần nắm rõ tốt hơn nữa về tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại đây. Để từ đó có được những định hướng, giải pháp thiết thực để khai thác một cách hợp lý các tài nguyên sẵn có và ngày càng khai thác hiệu quả hơn nữa với một số biện pháp như: tăng cường huy động vốn đầu tư, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, giáo dục về môi trường cho người dân... Như vậy có thể khẳng định lại rằng Na Hang rất có tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái. Chính vì vậy chúng ta cần khai thác phát triển du lịch đúng mục, tránh những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Nhằm mang lại hiệu quả cao, để lại ấn tượng đẹp trong lòng du khách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh Tuyên Quang (2015)
- [2] Công thông tin điện tỉnh Tuyên Quang
- [3] Ban Quản lý Khu Du lịch Sinh thái Na Hang, Kết quả hoạt động của Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Na Hang từ ngày thành lập đến tháng 4 năm 2014; phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2014
- [4] Nguyễn Đức Khoa, Du lịch cộng đồng, giải pháp phát triển đời sống kinh tế xã hội huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, Số 372, từ Tr. 40 đến Tr.42, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.
- [5] Huyện Na Hang: Bước chuẩn bị cho một thị xã tương lai
- [6] Định nghĩa du lịch sinh thái; luận văn
- http://www.tuyenquang.gov.vn/n50_huyen-na-hang-buoc-chuan-bi-cho-mot-thi-xa-tuong-lai?AspxAutoDetectCookieSupport=1
- http://thuvien.thanglong.edu.vn:8081/dspace/bitstream/DHTL_123456789/2230/1/Ng.%20C4%90%E1%BB%A9c%20Khoa%20.pdf
- <http://luanvan.net.vn/luan-van/tieu-luan-du-lich-sinh-thai-64152/>
- <http://dulichsinhthai.edu.vn/phat-trien-du-lich-sinh-thai-o-viet-nam/>
- <http://vccinews.vn/prode/1968/huyen-na-hang-khai-thac-tiem-nang-phat-trien-ben-vung.html>
- <http://tieudungviet.com.vn/na-hang-tuyen-quang-phat-trien-dich-vu-du-lich/>
- <http://voer.edu.vn/m/khai-quat-chung-ve-du-lich-sinh-thai/91d82727>

PHỤ LỤC

Một số hình ảnh về du lịch sinh thái ở Na Hang, Tuyên Quang



Nhà máy thủy điện Tuyên Quang



Lòng hồ Na Hang nhìn từ trên cao



Hồ Na Hang như hòn ngọc bích giữa núi rừng



Thác Mơ



Khu bảo tồn thiên nhiên Tát Kẽ – Bản Bung



Thác Nặm Me



Động Song Long



Chèo thuyền Kayak trên hồ



Phương tiện di chuyển



Lưu trú